

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Liên

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH VIỆT TRƯỜNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Phạm Thị Liên

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Liên

Mã SV: 1213401102

Lớp: QTL602K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Trường.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát được những lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Trường.

- Đánh giá được những ưu điểm nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Trường, trên cơ sở đó đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí tại đơn vị thực tập.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu năm 2013

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Việt Trường.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Học hàm, học vị: Thạc sỹ.

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Trường.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Thị Liên

Th.s Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng ngày....tháng....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NSUT Trần Hữu Nghị

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Tinh thần, thái độ nghiêm túc trong quá trình làm tốt nghiệp
- Chịu khó, ham học hỏi tiếp thu ý kiến của giáo viên.
- Hoàn thành khóa luận đúng thời gian quy định

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu):

Khóa luận có kết cấu khoa học và hợp lý, được chia làm 3 chương

- Chương 1 : Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp: tác giả đã thu thập, tổng hợp và khái quát những vấn đề lý luận chung liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài một cách rõ ràng, chi tiết và khoa học.
- Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường: tác giả đã trình bày tương đối khoa học và hợp lý phân hạch toán giá vốn, doanh thu, chi phí quản lý doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập theo hình thức kế toán Nhật ký chung với số liệu minh họa năm 2013. Số liệu được dẫn dắt từ chứng từ vào đến sổ sách và báo cáo tương đối logic và hợp lý.
- Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường: tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu. Các ý kiến đưa ra đều có cơ sở khoa học, hợp lý và được tính toán cụ thể, có sức thuyết phục

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Th.s Nguyễn Thị Thị Thúy Hồng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1_NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1.Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	3
1.1.1 Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.1.1.1.Khái niệm doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu.....	3
1.1.1.2 Khái niệm về chi phí.....	5
1.1.1.3 Một số khái niệm về xác định kết quả kinh doanh	5
1.1.2.Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	6
1.1.2.1 Các phương thức bán hàng.....	6
1.1.2.2 Các phương thức thanh toán	7
1.2.1 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.2.2 Chứng từ sử dụng.....	8
1.2.3 Tài khoản sử dụng.....	8
1.2.3.1 Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu và thu nhập khác.....	8
1.2.3.2 Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán chi phí.....	13
1.2.3.3 Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	16
1.2.4 Kế toán tổng hợp trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	18
1.3 Xác định kết quả kinh doanh trong DN vừa và nhỏ.....	28
CHƯƠNG 2:THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG.....	30
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Việt Trường.....	30
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Việt Trường.....	30
2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Việt Trường.....	30
2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty TNHH Việt Trường.....	31
2.2. Khái quát tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Việt Trường.....	32
2.2.1.Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Việt Trường	32

2.2.2. Chính sách và phương pháp kế toán của công ty TNHH Việt Trường	32
2.3. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.....	34
2.3.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	34
2.3.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.....	35
2.3.2.1 Thực trạng công tác kế toán bán hàng tại công ty TNHH Việt Trường.	35
2.3.2.2 Thực trạng kế toán chi phí QLDN tại công ty TNHH Việt Trường.	51
2.3.2.3 Thực trạng kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Việt Trường.....	58
2.3.2.4 Thực trạng kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.....	65
CHƯƠNG 3 HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG	73
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.....	73
3.1.1. Những kết quả đạt được	73
3.1.2. Những tồn tại cần khắc phục.....	74
3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.....	75
KẾT LUẬN	84
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	85

LỜI MỞ ĐẦU

1.Sự cần thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất(tối đa hóa lợi nhuận tối thiểu rủi ro). Lợi nhuận là thước đo kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, chi phí. Muốn đạt được mục tiêu này, doanh nghiệp cần phải có những biện pháp thiết thực nhằm tăng cường doanh thu, cắt giảm chi phí hợp lý để nguồn thu bù đắp những khoản chi phí bỏ ra, từ đó tạo lợi nhuận phục vụ cho quá trình tái sản xuất kinh doanh...Như vậy, các doanh nghiệp cần phải tích cực chủ động trong việc tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ, luôn cập nhật công nghệ tiên tiến,nâng cao chất lượng, đa dạng mẫu mã phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng...

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, giám đốc điều hành, cơ quan chủ quản,quản lý tài chính, thuế...để lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả, giám sát việc chấp hành chính sách, chế độ kinh tế, tài chính,chính sách thuế...

Như vậy, hệ thống kế toán nói chung và kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp phản ánh các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó cung cấp được những thông tin cần thiết giúp chủ doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án đầu tư có hiệu quả.

Để góp phần thực hiện tốt công tác kế toán trong các doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH Việt Trường nói riêng, em đã quyết định lựa chọn tham gia nghiên cứu đề tài :

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.

2.Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Làm rõ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Trường.
- Đánh giá thực trạng và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho công ty.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Phạm vi nghiên cứu: Số liệu, chứng từ sổ sách kế toán trong công ty nói chung và nội dung về công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

4. Phương pháp nghiên cứu.

Phương pháp chung bao gồm các phương pháp kế toán(phương pháp chứng từ, phương pháp tổng hợp cân đối, phương pháp tài khoản), các phương pháp phân tích kinh doanh...

Phương pháp kỹ thuật trình bày: kết hợp giữa mô tả với phân tích, giữa luận giải với bảng biểu sơ đồ.

5. Nội dung, kết cấu của đề tài.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận được chia làm ba chương:

- Chương 1 : Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.
- Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.

CHƯƠNG 1**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.****1.1.1 Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.****1.1.1.1. Khái niệm doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu.****a) Doanh thu và thu nhập khác:**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm gia tăng vốn chủ sở hữu.

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu tức là thời điểm người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

❖ Doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm:

▪ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho người mua.

Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

✓ DN đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

✓ DN không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

✓ DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.

✓ Xác định được công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty theo giá nội bộ.

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu từ hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Điều kiện ghi nhận:

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

b) Các khoản giảm trừ doanh thu:

- **Chiết khấu thương mại:** Là các khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong kỳ một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

- **Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

- **Giảm giá hàng bán:** Là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do hàng kém phẩm chất, không đúng phẩm chất, quy cách, chất lượng, hàng giao không đúng thời hạn theo quy định hợp đồng kinh tế.

- **Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp):** Được tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ được tạo ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Là thuế đánh vào những mặt hàng hóa, dịch vụ mà không phục vụ thiết yếu cho đời sống người dân lao động.

- **Thuế xuất khẩu:** Là loại thuế gián thu, mà doanh nghiệp phải nộp tính trên tỷ lệ % doanh thu bán hàng, đánh vào các mặt hàng mậu dịch, phi mậu dịch được phép xuất khẩu qua biên giới Việt Nam.

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.1.2 Khái niệm về chi phí.

❖ Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động khác và các khoản thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

✚ Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

✓ Giá vốn hàng bán: Là tổng trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

✓ Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

✓ Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là những khoản chi phí chung gồm các chi phí về tiền lương nhân viên quản lý DN, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, khấu hao TSCĐ...

✓ Chi phí hoạt động tài chính: Là các chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính hoặc các chi phí các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh liên kết...

✓ Chi phí khác: Là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản phạt, truy thu thuế...

✓ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

1.1.1.3 Một số khái niệm về xác định kết quả kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản

phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ **Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ **Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

➤ **Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác. Kết quả của hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:

Lợi nhuận HĐ SXKD = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - các khoản giảm trừ doanh thu - giá vốn hàng bán - chi phí bán hàng và chi phí QLKD.

Lợi nhuận từ HĐTC = Doanh thu HĐTC - Chi phí tài chính

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận HĐ SXKD + Lợi nhuận HĐTC + Lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau Thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN

1.1.2. Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán trong doanh nghiệp.

1.1.2.1 Các phương thức bán hàng.

Phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp.

- **Bán buôn:** Là phương thức bán hàng theo lô hoặc bán với số lượng lớn. Có 2 phương thức bán buôn là bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.
- + **Phương thức bán buôn vận chuyển thẳng:** Là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà chuyển thẳng cho bên mua.

+ Phương thức bán buôn qua kho: Là phương thức mà trong đó hàng bán xuất từ kho của doanh nghiệp.

- **Bán lẻ:** Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng.

Phương thức bán hàng qua đại lý: Là phương thức mà bên chủ hàng (bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi hàng đã tiêu thụ.

Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Là phương thức bên bán sau khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được gọi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại một thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi nhất định.

Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao thì lượng hàng mới được coi là tiêu thụ.

Phương thức trao đổi hàng: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

1.1.2.2 Các phương thức thanh toán

Phương thức trả ngay bằng tiền mặt, chuyển khoản, trả chậm trả, trả góp.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời, chính xác công tác mua hàng, bán hàng về mặt số lượng, kết cấu, chủng loại, giá cả của các loại hàng hóa.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.

- Theo dõi chi tiết người mua, các loại thuế, phí, lệ phí các loại sản phẩm hàng hóa bán ra.

- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.

- Tính toán phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời tổng giá thanh toán của hàng hóa bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.

- Ghi chép theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí thu nhập phát sinh trong kỳ.

- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh.

1.2.2 Chứng từ sử dụng.

- ✓ Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng thông thường.
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi, séc, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng...
- ✓ Thẻ thanh toán hàng đại lý, ký gửi, thẻ quỳ hàng...
- ✓ Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu nhập kho hàng trả lại...

1.2.3 Tài khoản sử dụng

1.2.3.1 Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu và thu nhập khác.

- **Tài khoản 511-** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Các tài khoản cấp 2:

- + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- + TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm.
- + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- + TK 5118: Doanh thu khác.
- ❖ Kết cấu tài khoản 511.

<ul style="list-style-type: none"> + Số thuế TTĐB, hoặc thuế XK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán. + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. + Doanh thu hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ. + Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911. 	<p>Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán..</p>
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

- **Tài khoản 512-** Doanh thu nội bộ.

Các tài khoản cấp 2:

- + TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa.
- + TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- + TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Kết cấu tài khoản 512:

<p>- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.</p> <p>- Số thuế TTĐB, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp theo doanh thu bán hàng nội bộ.</p> <p>- K/c doanh thu nội bộ thuần vào TK 911.</p>	<p>- Tổng doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
<p>Tổng phát sinh nợ</p>	<p>Tổng phát sinh có</p>

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu.

Có 3 tài khoản cấp 2:

- **TK 5211 – Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo giá thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hàng, cam kết mua bán hàng).

- **Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 6421 “ Chi phí bán hàng”.

- **TK 5213 – Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém phẩm chất,...

Ngoài ra các khoản giảm trừ doanh thu còn bao gồm:

Tài khoản 3331: Thuế GTGT phải nộp

Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tài khoản 3333: Thuế xuất, nhập khẩu

Kết cấu tài khoản 521:

<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu Thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán. - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách, quy định trong hợp đồng kinh tế. 	<p>Kết chuyển các khoản làm giảm trừ doanh thu.</p>
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

TK 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

Phản ánh các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước trong kỳ kế toán.

Kết cấu tài khoản 333:

<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp, đã nộp vào ngân sách nhà nước. - Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp. - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước.
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

Số dư bên có TK 333: Số thuế, phí, lệ phí và các khoản còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp cá biệt, tài khoản 333 có thể có số dư bên nợ. Số dư nợ (nếu có) của tài khoản 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

- **Tài khoản 515:** Doanh thu HĐTC

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Tiền lãi, thu nhập từ thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn. Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng. Thu nhập từ các hoạt động đầu tư khác. Chênh lệch do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá, chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn...

Kết cấu tài khoản 515:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)	- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ
- K/c doanh thu hoạt động tài chính sang 911.	
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có

➤ *Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.*

- **Tài khoản 711-** Thu nhập khác.

Tài khoản 711: Thu nhập khác.

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm: Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, các khoản thuế được NSNN hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có). Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp. Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

Kết cấu tài khoản 711:

<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp(nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác(nếu có) (ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp). - Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

➤ *Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.*

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán chi phí.

- **Tài khoản 632-** Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế hàng xuất kho của số sản phẩm(hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ- đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu tài khoản 632:

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). 	<p>Kết chuyển giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ sang TK 911 “ xác định kết quả kinh doanh”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh . - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số phải nhập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)
<p>Tổng phát sinh nợ</p>	<p>Tổng phát sinh có</p>

➤ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

▪ **Tài khoản 635-** Chi phí tài chính.

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí và các khoản lỗ có liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ hối đoái....

Kết cấu TK 635:

- Các khoản chi phí hoạt động tài chính - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.	- Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá đầu tư. - Kế chuyển chi phí hoạt động tài chính cuối kỳ.
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

➤ *Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ*

▪ **Tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh**

▪ **TK 6421 – Chi phí bán hàng**

Tài khoản này được dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

• **TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 642:

- Các chi phí quản lý DN thực tế phát sinh trong kỳ.	- Các khoản thu làm giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ. - Kế chuyển chi phí QLDN vào bên nợ tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

▪ **Tài khoản 811- Chi phí khác.**

Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là các khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước.

Kết cấu tài khoản 811:

- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.	Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ tài khoản chi phí khác vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

➤ *Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ*

1.2.3.3 Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.

▪ **Tài khoản 911-** Xác định kết quả kinh doanh

Dùng để xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Kết cấu TK 911:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ - Chi phí bán hàng, chi phí QLDN. - Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lãi sau thuế.	- Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Doanh thu HĐTC - Thu nhập khác, ghi giảm chi phí thuế TNDN Kết chuyển lỗ
Tổng phát sinh nợ	Tổng phát sinh có

➤ *Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ*

▪ **Tài khoản 821-** Chi phí thuế TNDN.

TK 821 có 2 TK cấp 2:

TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành

TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Kết cấu của TK 821:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.	- Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.
--	---

➤ *Tài khoản 821 không có số dư.*

▪ **Tài khoản 421-** Lợi nhuận chưa phân phối.

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân phối, xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2 sau:

TK4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

TK4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Kết cấu TK 421:

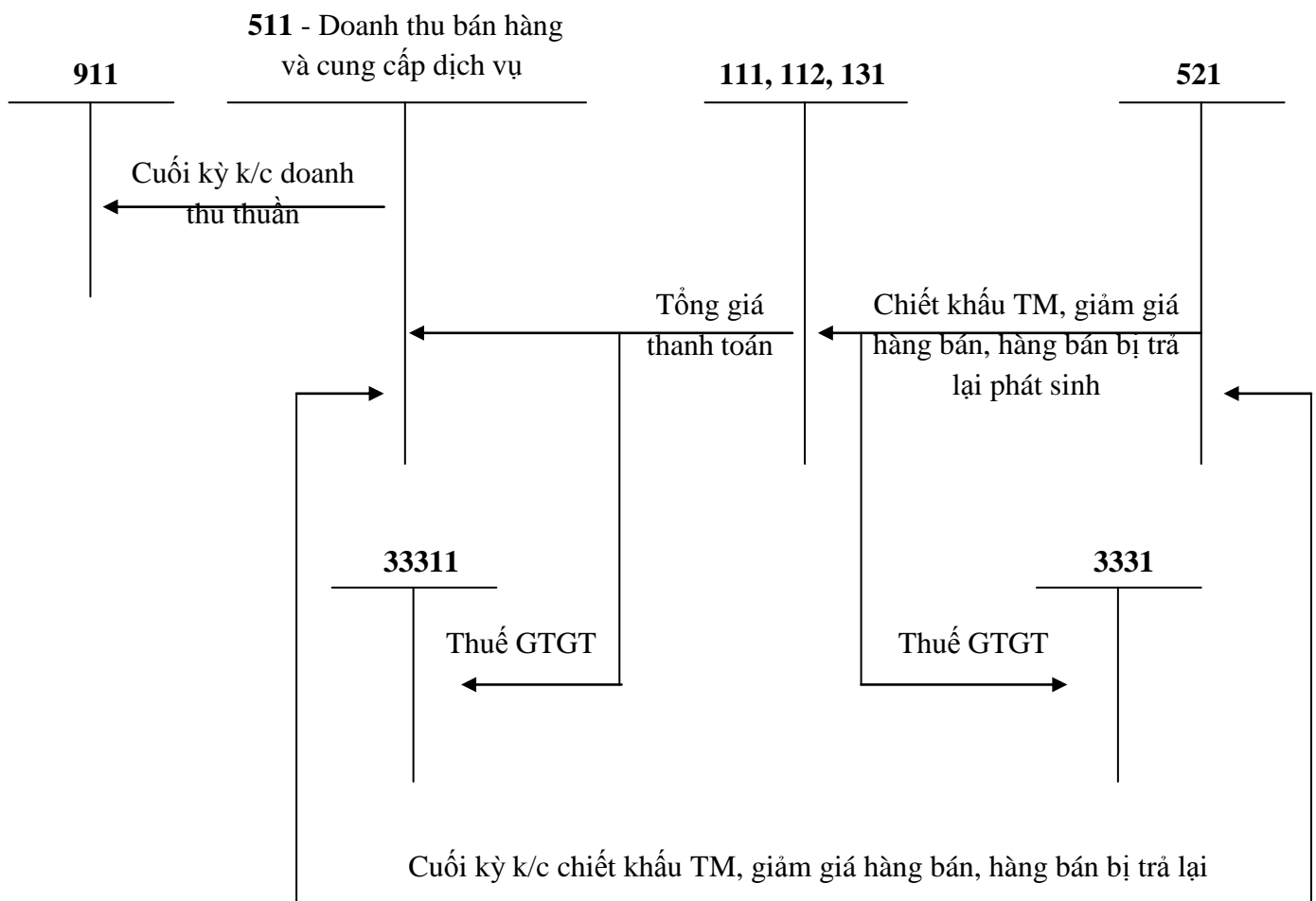
<p>- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trích lập các quỹ của doanh nghiệp, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư... Bổ sung vốn kinh doanh. Lợi nhuận nộp cấp trên</p>	<p>- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ. - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ cấp dưới được cấp trên bù. - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh</p>
<p>Tổng phát sinh nợ</p>	<p>Tổng phát sinh có</p>

➤ TK 421 có thể có số dư bên Nợ hoặc bên Có:

1.2.4 Kế toán tổng hợp trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

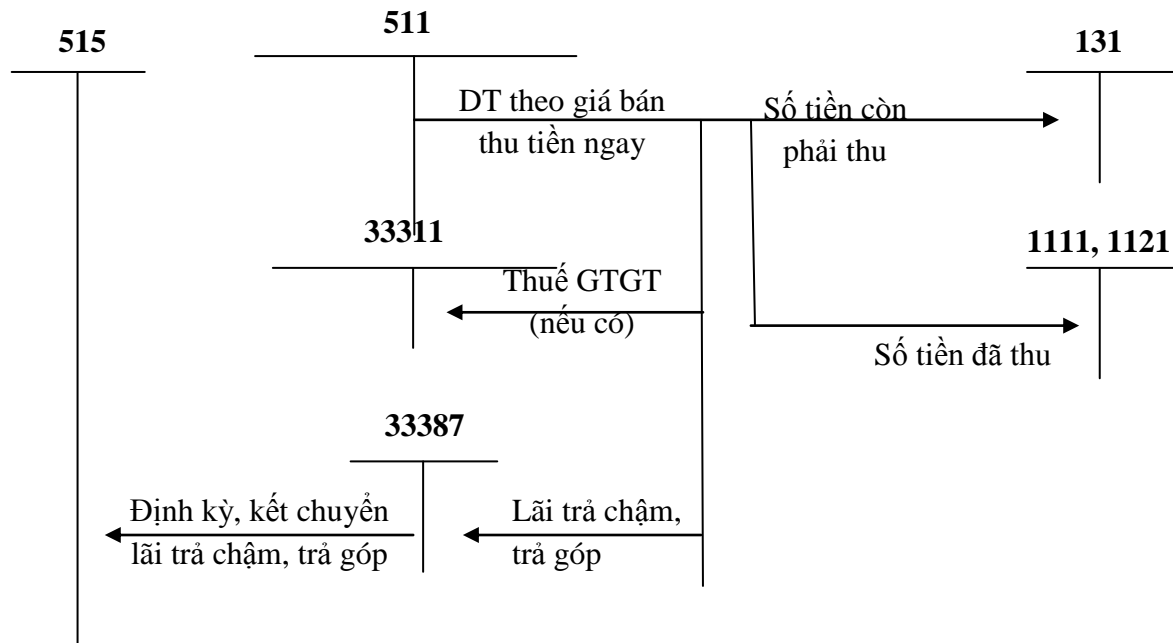
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

✚ Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được khái quát bằng sơ đồ 1.1

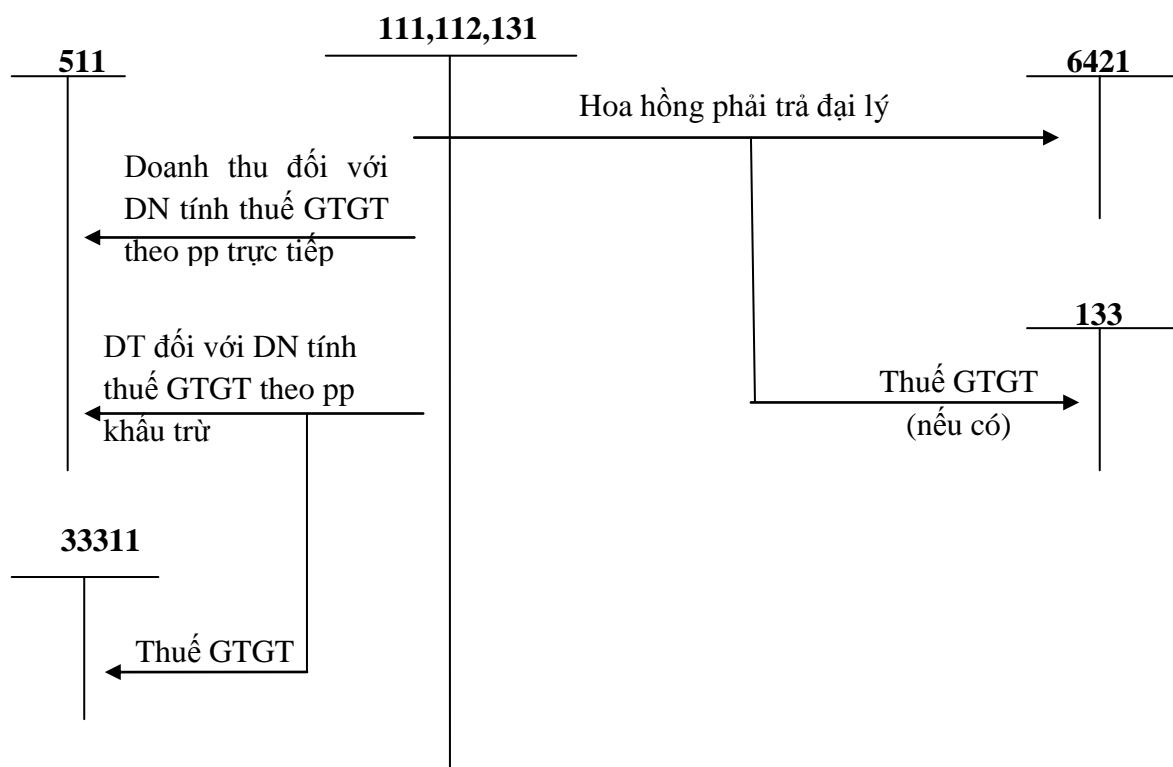


Sơ đồ 1.1 – Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

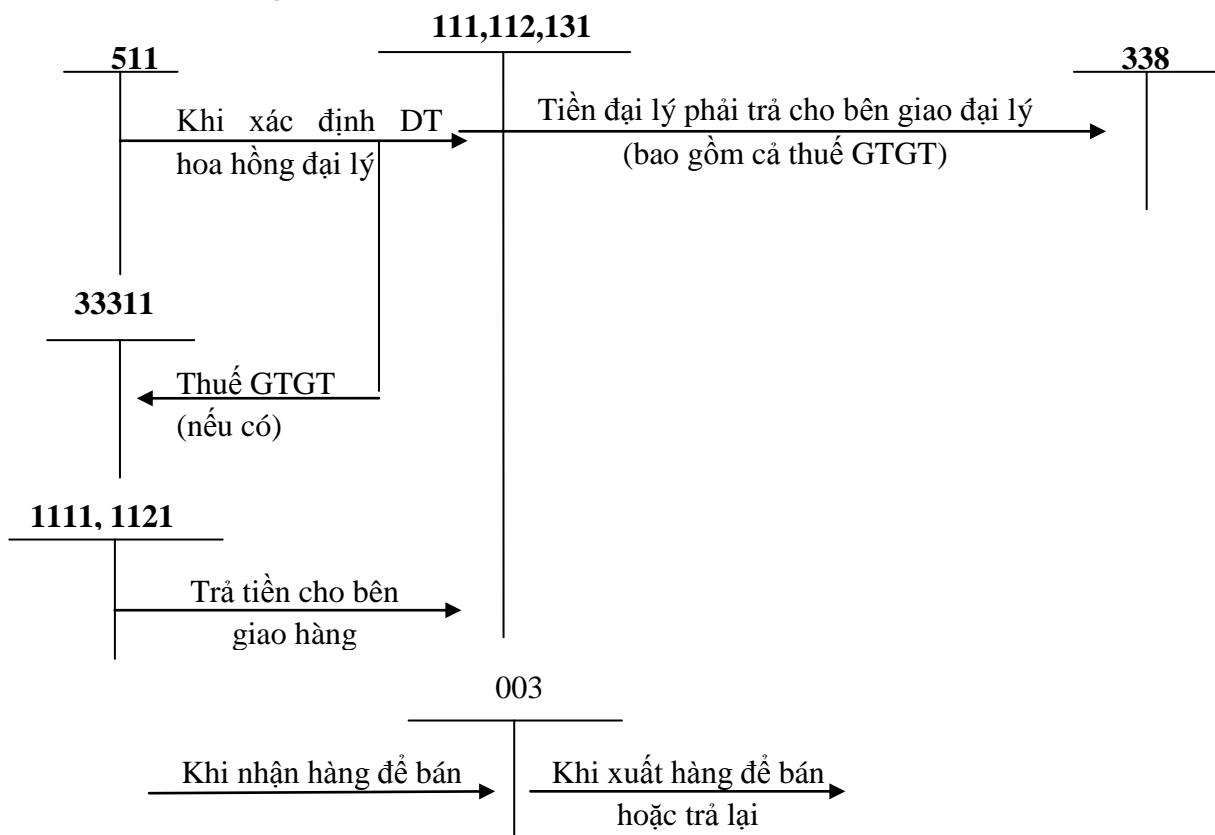
Sơ đồ 1.2 Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp(Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



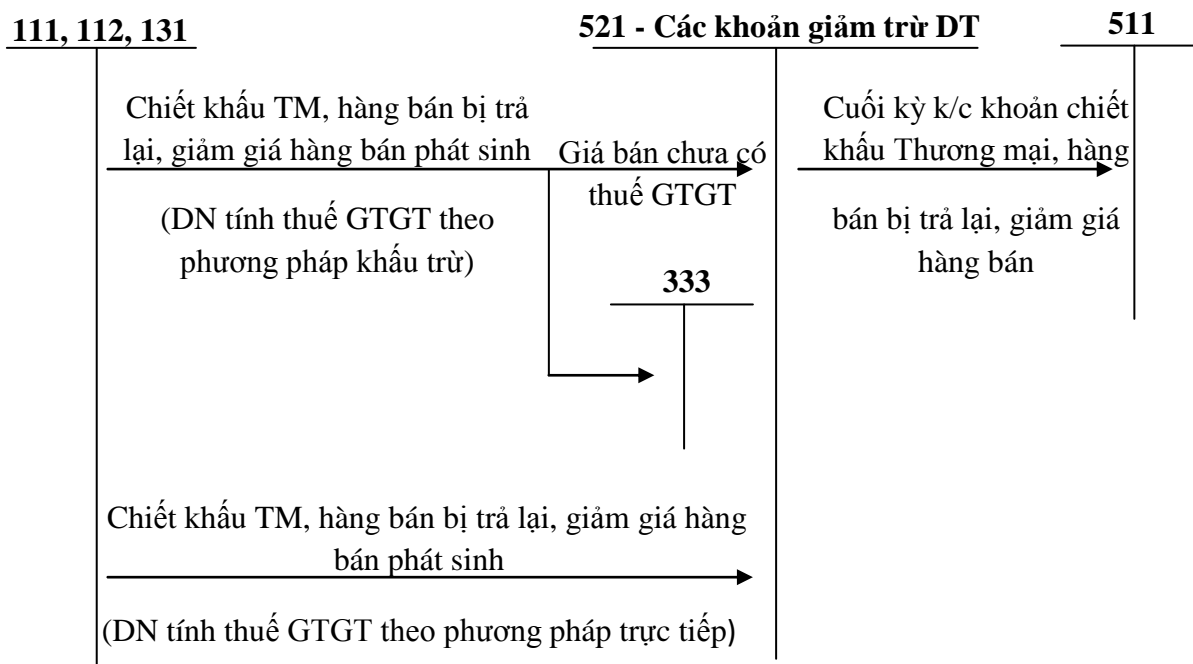
Sơ đồ 1.3 Kế toán DT bán hàng đại lý theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng(đối với bên giao đại lý) Theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC).



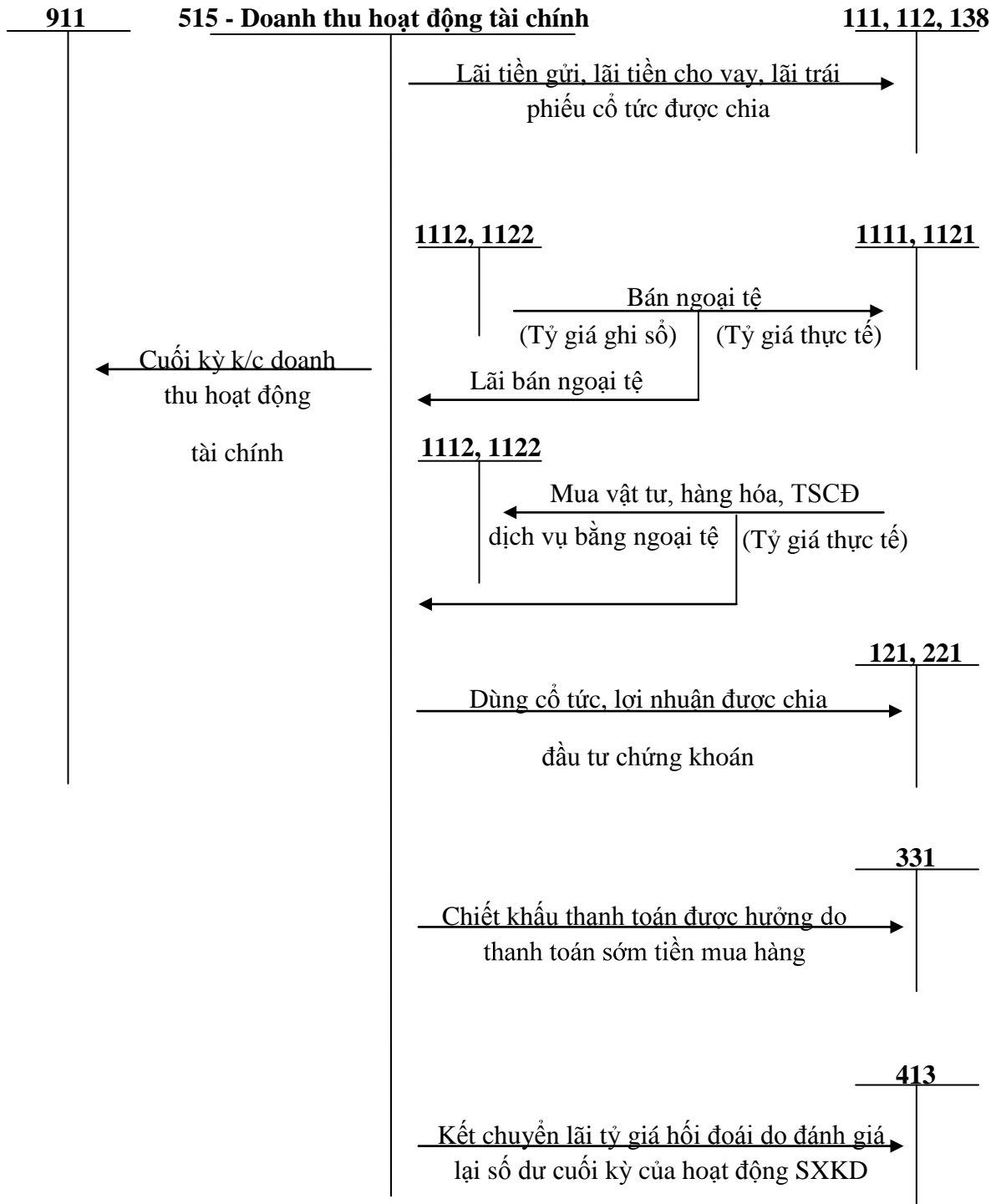
Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu bán hàng đại lý theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng (Đối với bên nhận đại lý) Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



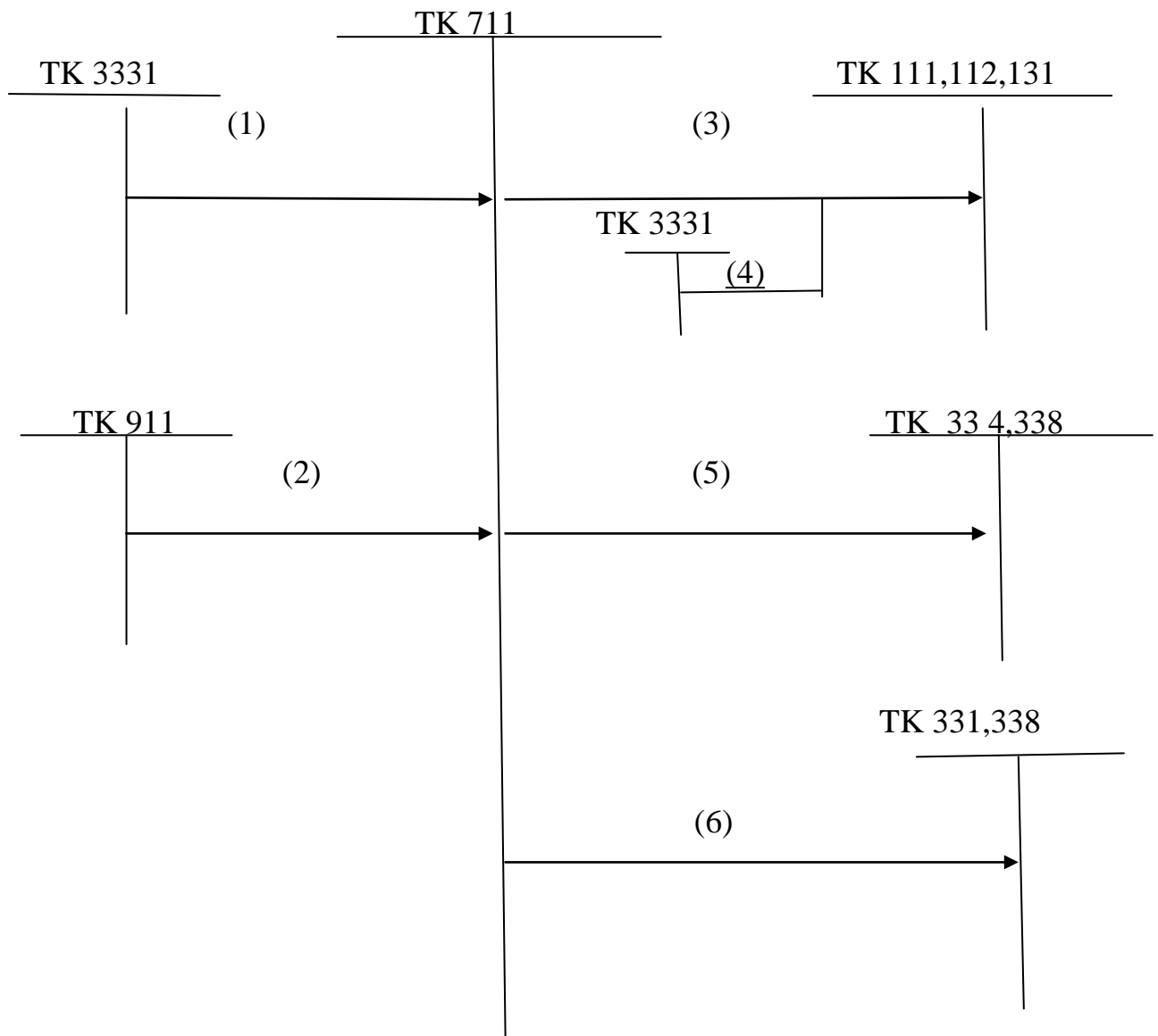
Sơ đồ 1.5: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



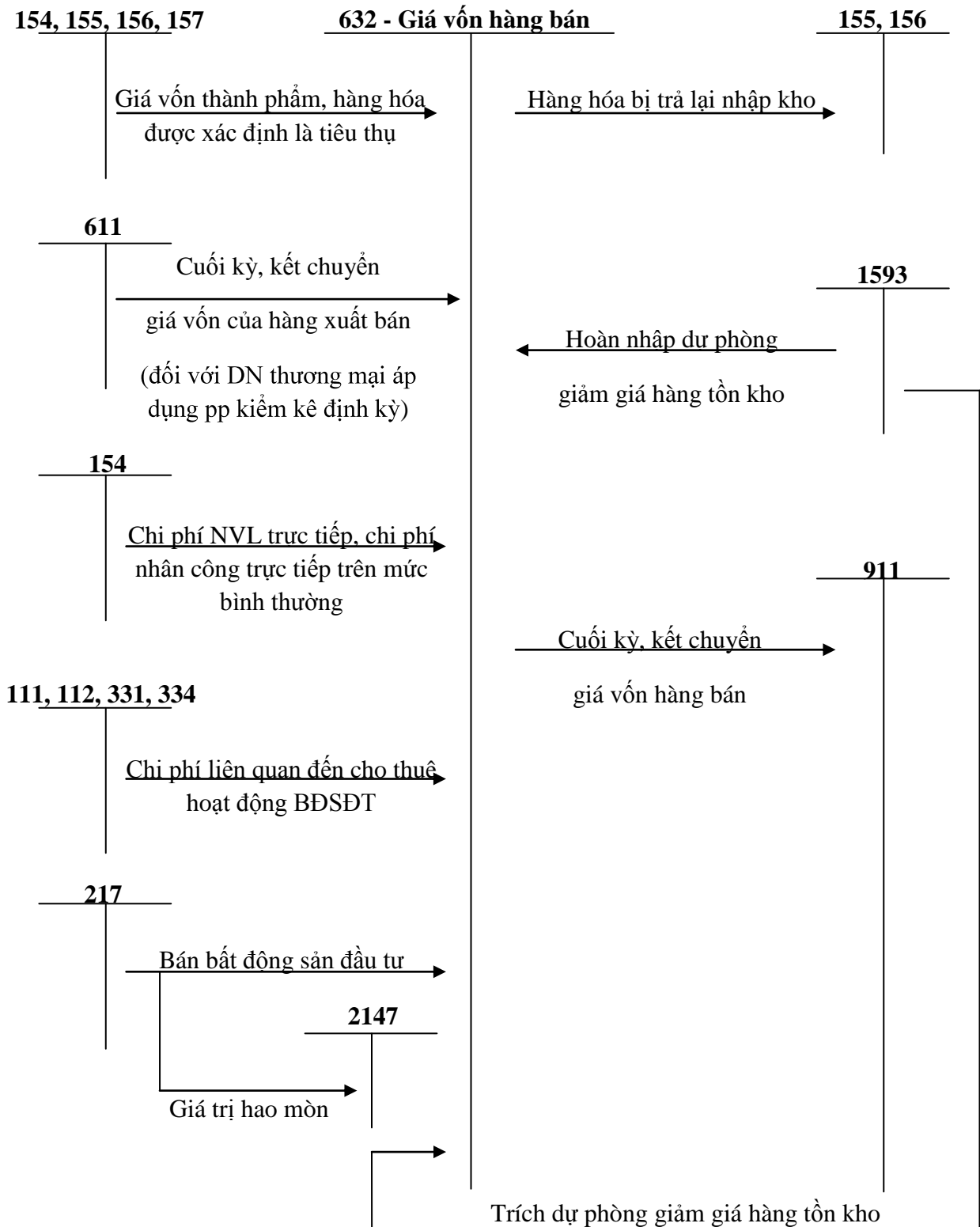
Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



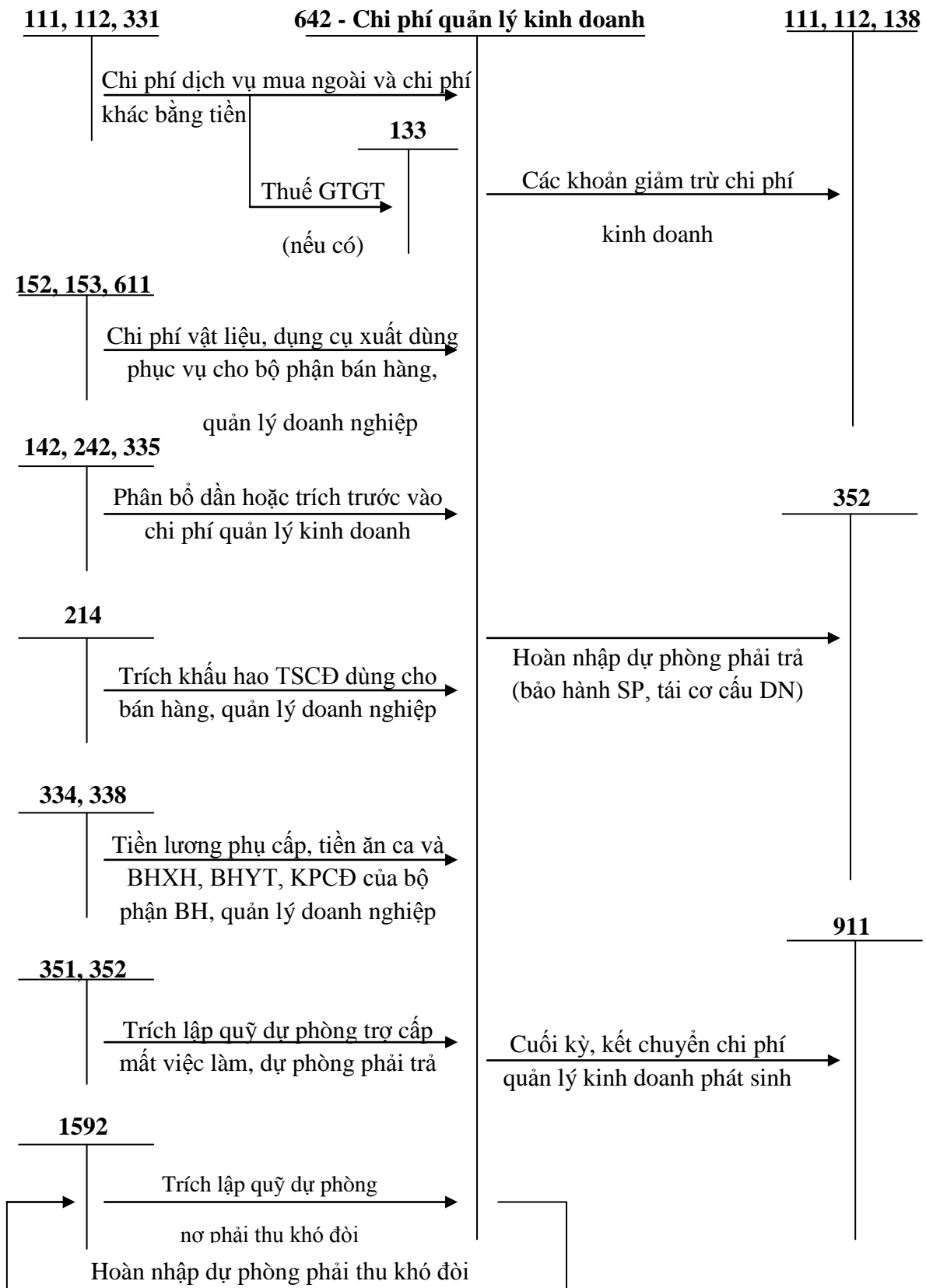
Sơ đồ 1.7 Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

- (1) Thuế VAT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với hoạt động khác.
- (2) Kết chuyển thu nhập khác.
- (3) Thu thanh lý TSCĐ, thu từ khoản phạt vi phạm hợp đồng kinh tế.
- (4) Số thuế GTGT nộp theo pp trực tiếp
- (5) Tiền phạt khấu trừ vào lương, vào các khoản ký cược, ký quỹ.
- (6) Các khoản nợ phải trả chủ nợ, các khoản chủ nợ không đòi.

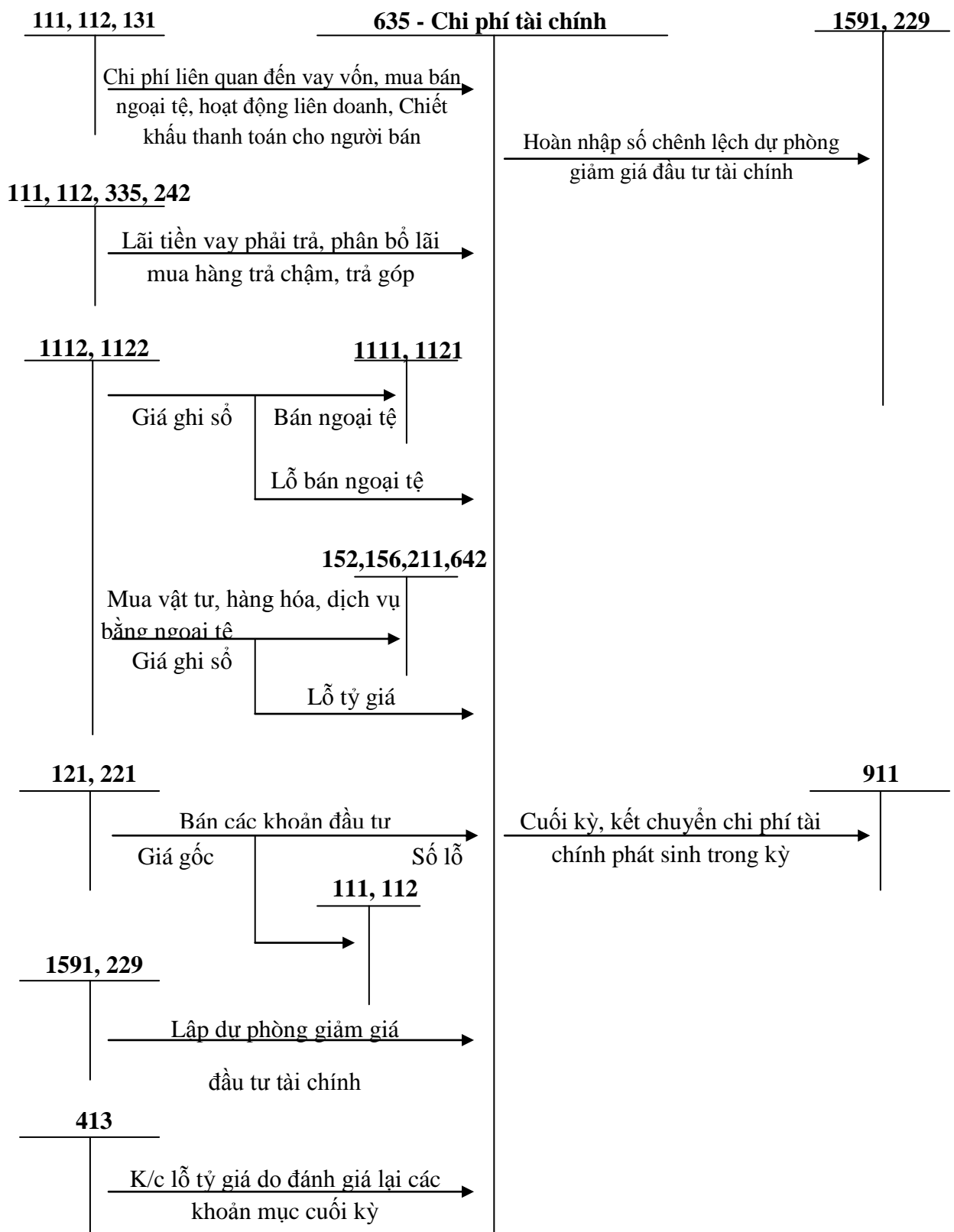
Sơ đồ 1.8: Kế toán giá vốn hàng bán(Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



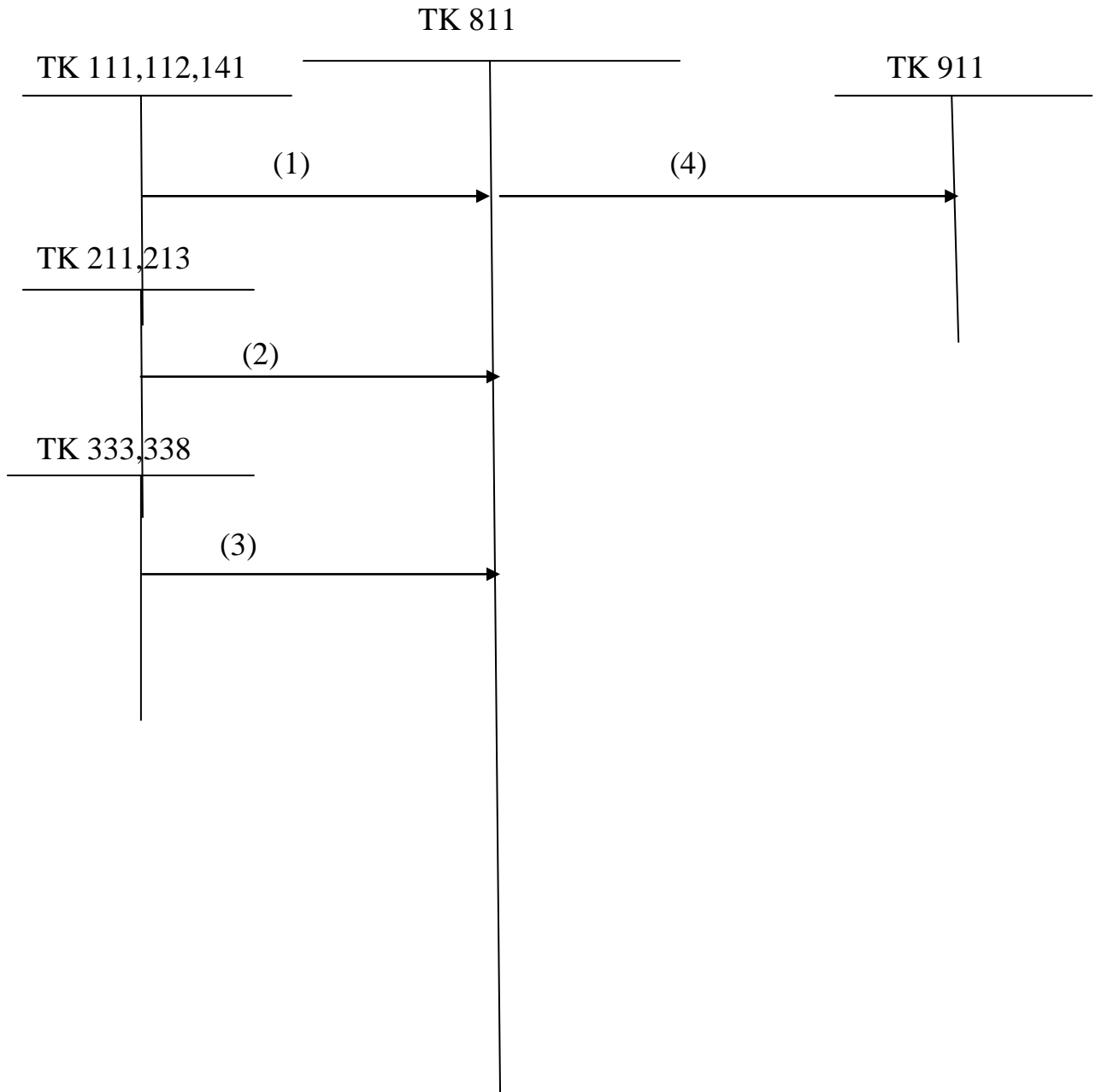
Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



Sơ đồ 1.10 Kế toán chi phí hoạt động tài chính được khái quát bằng sơ đồ



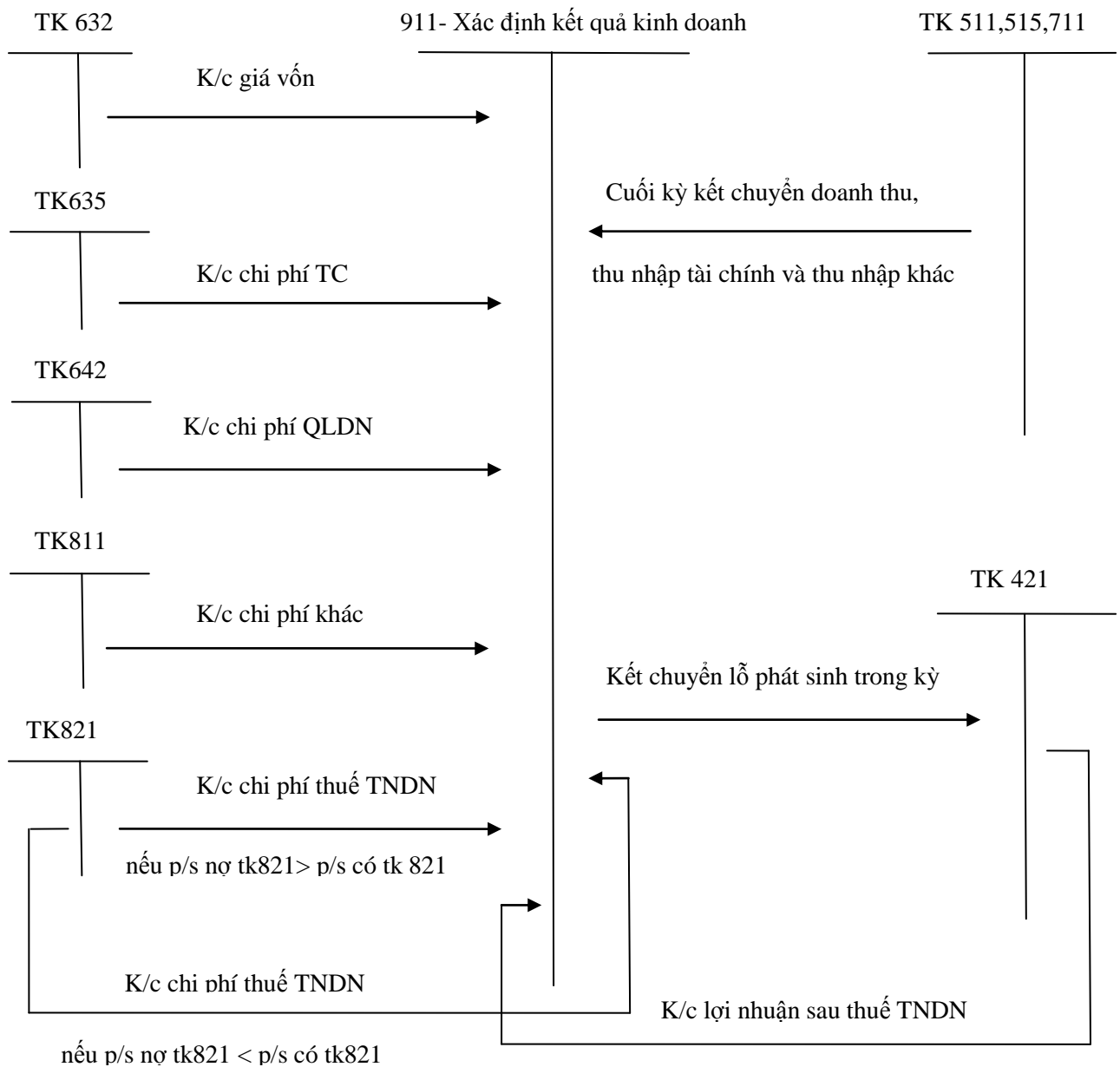
Sơ đồ 1.11 Sơ đồ hạch toán chi phí khác (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán TK chi phí khác.

- (1) Chi phí khắc phục tổn thất do gặp rủi ro trong kinh doanh.
- (2) Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
- (3) Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế và các khoản phải nộp khác.
- (4) Kết chuyển chi phí khác

Sơ đồ 1.12 Kế toán xác định kết quả kinh doanh (Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)



Sơ đồ 1.12 – Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3 *Xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.*

Để phản ánh đầy đủ và kịp thời liên tục có hệ thống tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ sách và lưu giữ sổ kế toán theo đúng chế độ.

Các doanh nghiệp thường áp dụng một trong các hình thức sau:

- + Hình thức Nhật ký chung.
- + Hình thức Chứng từ ghi sổ.
- + Hình thức Nhật ký – Sổ cái.
- + Hình thức Nhật ký – Chứng từ
- + Hình thức kế toán trên máy vi tính

Để dễ dàng nghiên cứu em xin được đi sâu vào hình thức kế toán Nhật ký chung mà công ty TNHH Việt Trường đang áp dụng để đối chiếu giữa lý thuyết và thực tế.

❖ **Hình thức Nhật ký chung**

a. Đặc trưng cơ bản

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi vào sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

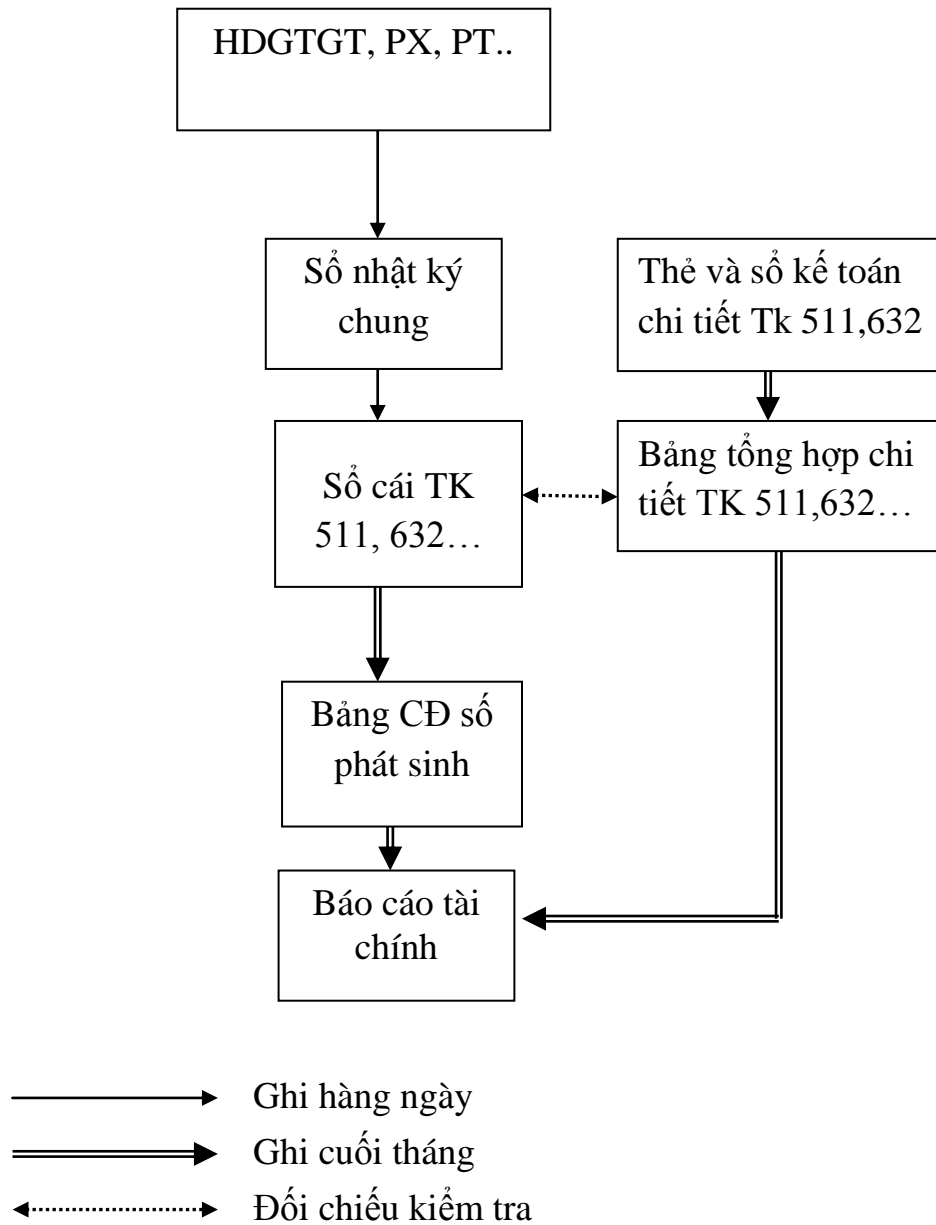
Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

☞ Ưu điểm: Dễ ghi chép, đơn giản, thuận tiện cho công việc phân công lao động kế toán.

☞ Nhược điểm: còn trùng lặp trong khâu ghi chép.

b.Sơ đồ hình thức Nhật ký chung



CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG.

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Việt Trường.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Việt Trường.

Tên gọi: Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm- Lê Chân- Hải Phòng

Mã số thuế: 0200421340

ĐT: 0313.742.563

Fax: 0313.742.960

Email: Viettruongcoltd2006@gmail.com

Số tài khoản tại ngân hàng ngoại thương: 0031000071876

Số tài khoản tại ngân hàng Công Thương: 102010000300154

Số tài khoản tại ngân hàng NT và PTNT: 210031000471

Công ty TNHH Việt Trường được hình thành từ năm 2001 với ngành nghề kinh doanh chính là " Kinh doanh chế biến thủy hải sản xuất khẩu". Qua quá trình hình thành và phát triển, công ty đã có rất nhiều uy tín trên thị trường trong ngoài nước, với những sản phẩm chế biến mạnh như sản phẩm Chả cá(Surimi) xuất khẩu, Bột cá, Tôm, Mực đông lạnh...

Công ty đã không ngừng đầu tư vào nhà xưởng, nâng cấp cũng như cải tiến máy móc thiết bị, nâng cao khả năng cạnh tranh, kích thích tăng năng suất lao động, cải thiện chế độ lương thưởng cho người lao động, sản phẩm chất lượng, mẫu mã đa dạng, giá cả cạnh tranh nên kết quả kinh doanh ngày càng đi lên.

Hiện nay công ty vẫn tiếp tục giữ vững thành quả mà mình đã tạo lập được và không ngừng phát triển.

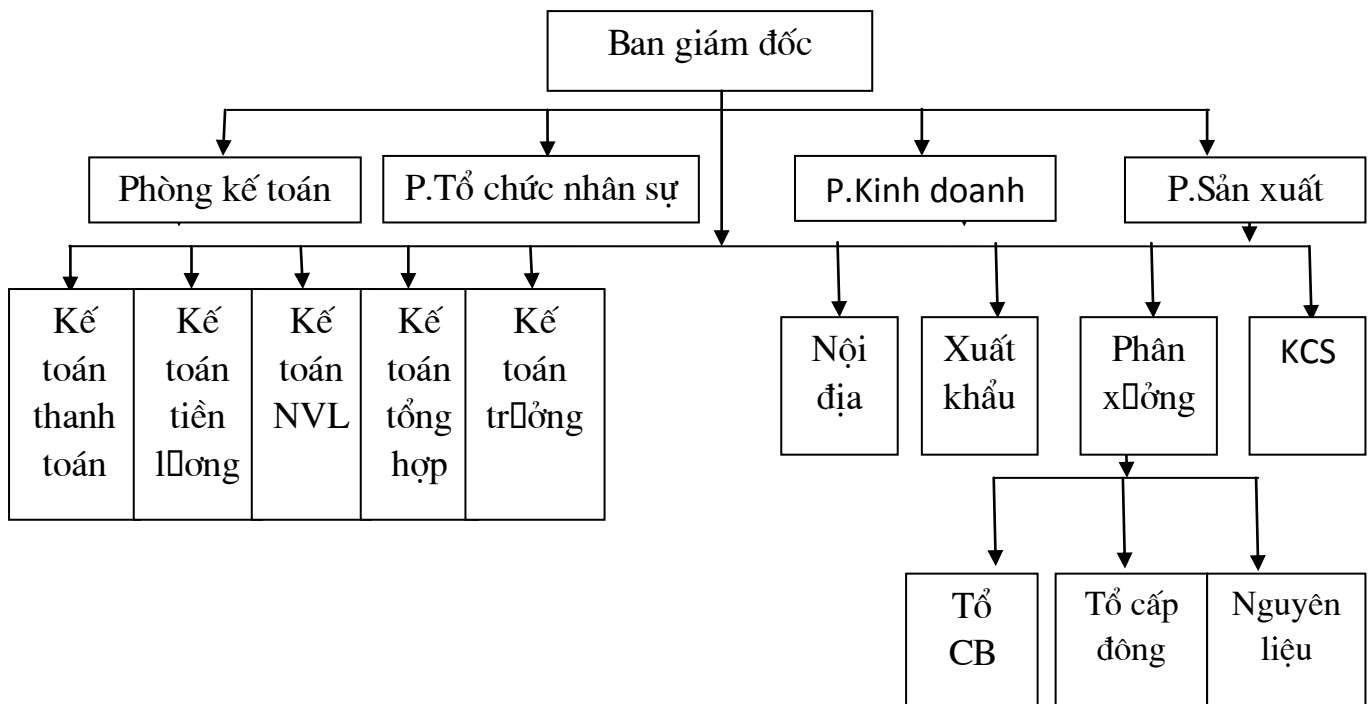
2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp là xuất khẩu thủy hải sản tươi sống và thủy hải sản đã qua chế biến. Sản phẩm chiến lược của công ty là Chả cá Surimi trong các năm gần đây được chế biến và xuất khẩu với số lượng lớn. Thị trường nhập khẩu mặt hàng này là Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapo.. bên cạnh đó doanh nghiệp còn xuất khẩu các mặt hàng như Tôm, mực ống... và nhiều loại thủy sản khác.

Hoạt động kinh doanh trong nước phần lớn là nghiệp vụ thu mua nguyên vật liệu, trong khoảng thời gian gần đây doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động kinh

doanh trong nước, đẩy mạnh cả hai mặt xuất khẩu và tiêu thụ nội địa nhằm hướng cho nhau cùng phát triển.

2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty.



Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Việt Trường

Giám đốc là người chỉ đạo chung có thẩm quyền cao nhất, có nhiệm vụ quản lý toàn diện trên cơ sở chấp hành đúng đắn chủ trương chính sách của nhà nước. Giám đốc là người đại diện cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của công ty trước pháp luật.

Phó giám đốc của công ty là người được điều hành và giám sát công việc sản xuất và kinh doanh của công ty, đồng thời là người thay mặt giám đốc điều hành hoạt động của công ty khi giám đốc vắng mặt.

Phòng kế toán có chức năng tham mưu cho giám đốc về việc lập kế hoạch và kiểm tra thực hiện kế hoạch tài chính của phòng kinh doanh. Thực hiện các nhiệm vụ về kế toán tài chính.

Phòng kinh doanh: giới thiệu sản phẩm, tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất khẩu, cũng như các hoạt động kinh doanh trong nước.

Phòng tổ chức nhân sự có chức năng giúp giám đốc quản lý về tổ chức nhân sự hành chính, quản lý chế độ đối với người lao động, kế hoạch đào tạo. Bên cạnh có tổ chức nhân sự có nhiệm vụ tổ chức sinh hoạt và các hoạt động tinh thần cho công nhân viên chức của công ty.

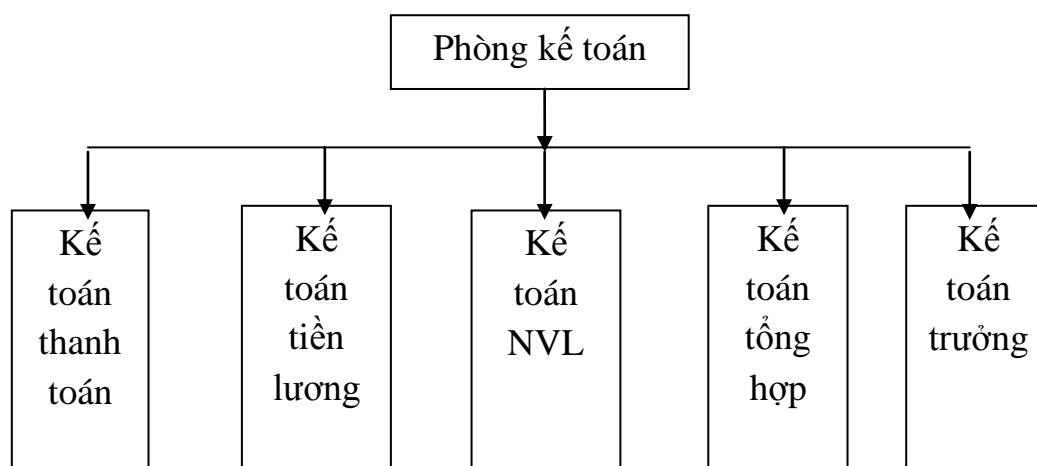
Phòng sản xuất chịu trách nhiệm chỉ đạo sản xuất để từ nguyên liệu chế biến ra thành phẩm.

Phòng KCS lấy mẫu phân tích hóa quản lý chất lượng vật tư đầu vào, giám sát chất lượng thành phẩm trong suốt quá trình sản xuất nhằm đảm bảo sản phẩm do công ty sản xuất đạt được tiêu chuẩn đề ra.

2.2. Khái quát tổ chức công tác kế toán tại công ty.

2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Việt Trường.



- Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra mọi hoạt động của bộ máy kế toán tại công ty, lập báo cáo tài chính và phân tích tài chính chi tiết cho giám đốc, lập hồ sơ quyết toán thuế cuối năm, làm việc với các bên liên quan.
- Kế toán tổng hợp: có trách nhiệm tổng hợp, xử lý số liệu trong phần mềm kế toán, hỗ trợ kế toán trưởng trong việc lập và phân tích báo cáo tài chính.
- Kế toán tiền lương: có nhiệm vụ tính toán tiền lương trả cho người lao động, tính và trích bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định.
- Kế toán thanh toán: có nhiệm vụ theo dõi việc thu chi tiền mặt, kiểm soát các chứng từ vào quỹ hợp lệ, ghi sổ quỹ tiền mặt.
- Kế toán NVL: có nhiệm vụ theo dõi tình hình xuất, nhập, tồn vật tư, thành phẩm.

2.2.2. Chính sách và phương pháp kế toán của công ty

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam Đồng(VNĐ)
- Chế độ kế toán áp dụng: Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính và quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được:
- Phương pháp tính giá trị xuất dùng trong kỳ: Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.
- Hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng: Khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

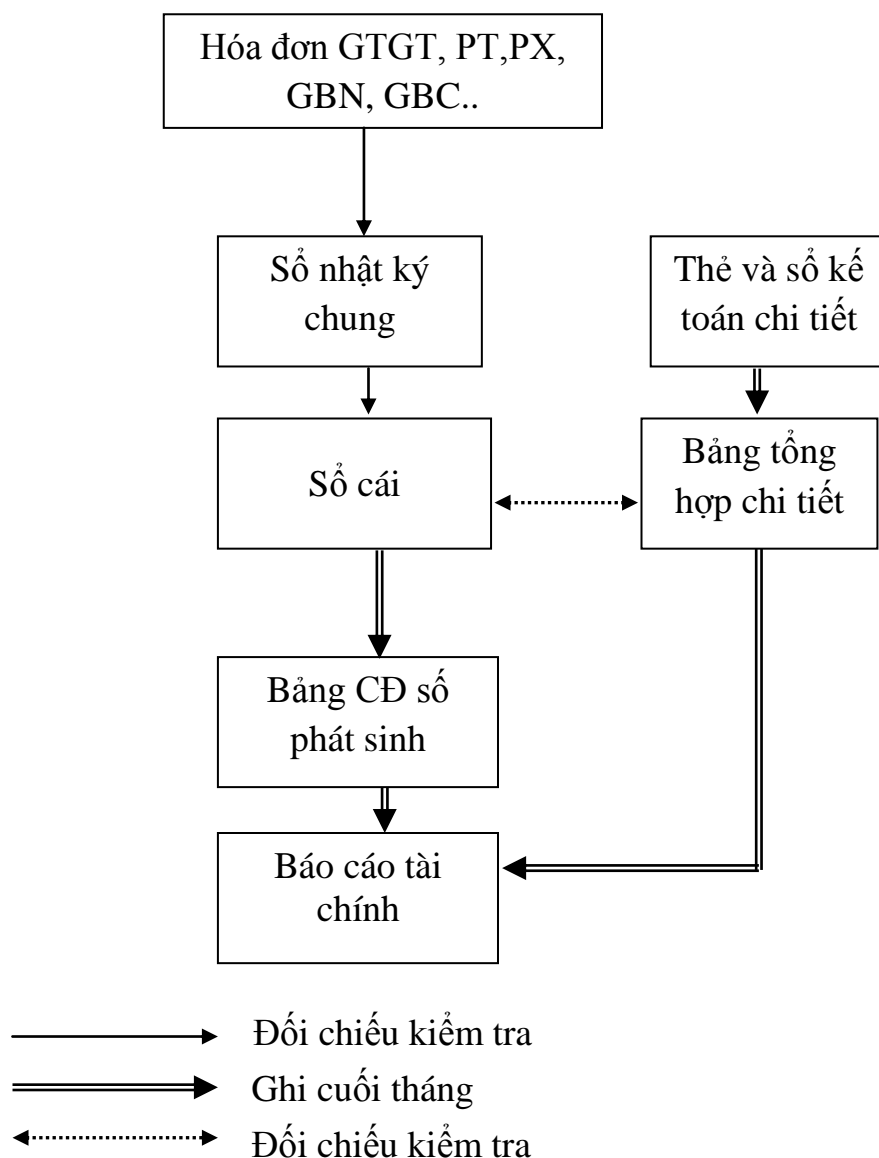
Công ty TNHH Việt Trường áp dụng ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.

❖ Các loại sổ sách sử dụng:

- + Nhật ký chung
- + Sổ cái: được mở cho từng tài khoản
- + Sổ hoặc thẻ chi tiết
- + Báo cáo tài chính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký mà trong tâm là sổ Nhật ký chung theo trình tự phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 2.3 Sơ đồ trình tự hạch toán Nhật ký chung tại công ty TNHH Việt Trường



2.3. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.

2.3.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

➤ Hoạt động kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp là xuất khẩu thủy hải sản tươi sống và thủy hải sản đã qua chế biến. Sản phẩm chiến lược của công ty là Chả cá Surimi trong các năm gần đây được chế biến và xuất khẩu với số lượng lớn.

Đối với công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty được các nhân viên kế toán thực hiện tương đối chi tiết, chính xác, khoa học. Kế toán theo dõi đầy đủ các loại chi phí quản lý, chi phí bán hàng cũng như các khoản doanh thu hoạt động tài chính để cuối kỳ xác định kết quả kinh doanh.

2.3.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.

2.3.2.1 Thực trạng công tác kế toán bán hàng tại công ty TNHH Việt Trường.

❖ Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu thu
- + Giấy báo có
- + Hợp đồng mua bán hàng hóa
- + Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

- + TK 511
- + TK 632
- + Ngoài ra còn các TK liên quan khác: TK 131, 156, 3331, 111, 112...

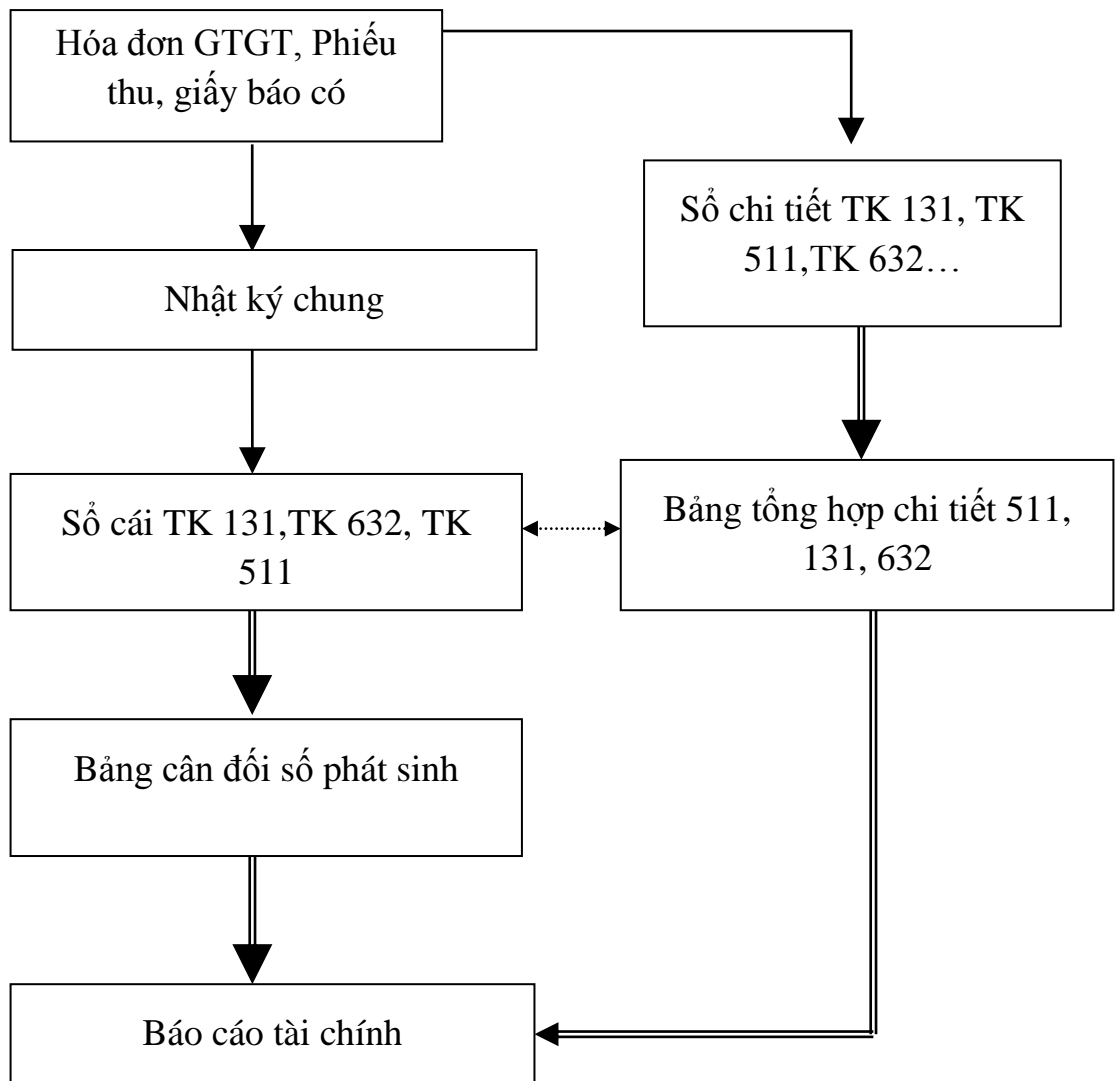
❖ Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan, kế toán sẽ nhập số liệu vào phần mềm. Máy tính sẽ tự động ghi vào các sổ chi tiết và sổ cái các TK 131, TK 511, TK 632 và các sổ khác có liên quan.


Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ kế toán để lập Bảng cân đối số phát sinh.

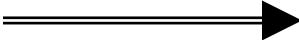
Cuối năm căn cứ vào số liệu trên Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh kế toán sẽ lập Báo cáo tài chính năm.

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Việt Trường



Ghi chú:

Ghi hằng ngày: 

Ghi cuối tháng: 

Ví dụ 01: Ngày 15/12 Công ty TNHH Việt trường xuất bán 100kg tôm sú với tổng số tiền thanh toán là 18.150.000 đồng cho Công ty TNHH Hoàng Việt đã thu bằng tiền mặt.

Số lượng đường tồn đầu kỳ = 200

Trị giá tồn đầu kỳ : 25.500.000

Số lượng nhập trong kỳ: 300

Trị giá nhập trong kỳ: 37.000.000

Phương pháp tính trị giá xuất dùng trong kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

Đơn giá hàng hóa xuất kho sẽ được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân của hàng} \\ \text{hóa xuất kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \\ \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ} \end{array}}$$

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất kho tôm sú} &= (25.500.000 + 37.000.000) / (200 + 300) \\ &= 125.000 \text{ đồng/kg} \end{aligned}$$

$$\text{Vậy đơn giá xuất} = 125.000 \text{ đồng/kg}$$

$$\text{Trị giá xuất kho tôm sú} = 12.500.000 \text{ đồng}$$

Ví dụ 02: Ngày 25/12/2013, xuất bán cá lục gai đông lạnh với tổng số tiền thanh toán là: 430.539.754đ, giá vốn hàng bán là: 363.660.000đ.

Cuối tháng công ty sản xuất được 87.367 kg cá lục gai đông lạnh.

Do công ty chủ yếu sản xuất theo yêu cầu đơn đặt hàng và quá trình diễn ra liên tục nên không có chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Trong đó:

$$\text{Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp} = 550.360.000$$

$$\text{Chi phí nhân công trực tiếp} = 490.284.745$$

$$\text{Chi phí sản xuất chung} = 204.335.005$$

$$\text{Tổng chi phí sản xuất trong kỳ} = 1.244.979.750$$

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH VÀ GIÁ THÀNH ĐƠN VỊ

Khoản mục	Giá trị SPDD đầu kỳ	CPSX phát sinh trong kỳ	Giá trị SPDD cuối kỳ	Tổng Z	Z đơn vị
621	-	550.360.000	-	550.360.000	6.299
622	-	490.284.745	-	490.284.745	5.612
627	-	204.335.005	-	204.335.005	2.339
Cộng		1.244.979.750		1.244.979.750	14.250

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Đơn giá xuất ngày 27/12= 14.250 đồng/kg

Trị giá vốn = 14.250 * 25.520 = 363.660.000 đồng.

HÓA ĐƠN (GTGT)		Mẫu số:01GTKT3-001			
Liên 3: (Lưu nội bộ)		Ký hiệu: AA/13P			
Ngày 15 tháng 12 năm 2013		Số: 0000129			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Việt Trường					
Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Vĩnh Niệm- Lê Chân- Hải phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: 031.3742563			MS: 0200421340		
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Hoàng Việt-Hải Phòng					
Địa chỉ: Số 40 Lê Đại Hành, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, HP					
Hình thức thanh toán: TM			MS:0201144474		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tôm sú nguyên liệu	Kg	100	165.000	16.500.000
Cộng tiền hàng					16.500.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.650.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					18.150.000
Số tiền(viết bằng chữ): Mười tám triệu một trăm năm mươi đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người mua hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn số liệu từ phòng kế toán)

Đơn vị: Công Ty TNHH Việt Trường

Mẫu số 01 – TT

Địa chỉ: Cụm CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Quyển số:

Số: 265

Nợ: 111

Có 511

Có: 3331

Họ tên người nhận tiền: **Vũ Thị Sâm**

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi: Thu tiền hàng HĐ 129

Số tiền: 18.150.000đ (Viết bằng chữ) : Mười tám triệu một trăm năm mươi
đồng chẵn.

Kèm theo: **Chứng từ gốc**

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ)

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Phiếu xuất kho. (in 2 bản)

Đơn vị : Công ty TNHH Việt Trường

Mẫu số: 02-VT

Địa chỉ : Lê Chân – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Nợ TK 632

Số: 165

Có TK 155

Họ tên người nhận hàng:

Địa chỉ: Số 40 Lê Đại Hành, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, HP

Lý do xuất: Xuất bán cho khách hàng

Xuất tại kho: K2- Kho thành phẩm

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	I	2	3	4
1	Tôm sú	TS	Kg	100	100	125.000	12.500.000
	Cộng tiền hàng						12.500.000

Viết bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.*Xuất, ngày 15 tháng 12 năm 2013*

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

*(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Nguồn số liệu từ phòng kế toán)*

HÓA ĐƠN XUẤT KHẨU MÃ SỐ:01GTKT3-001					
Liên 1: (Luu) Ký hiệu: AA/13P					
Ngày 27 tháng 12 năm 2013 Số: 0000152					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Việt Trường					
Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: 031.3742563			MS: 0200421340		
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: FRESH TRADING CO,LTD					
Địa chỉ: SANPOKONG, KL, HONGKONG					
Hình thức thanh toán: CK			MS:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cá lục gai đông lạnh	Kg	25.250	0,81	20.671,2 ^{USD}
Cộng tiền hàng					430.539.754
Thuế suất GTGT: 0%			Tiền thuế GTGT:		0
Tổng cộng tiền thanh toán:					430.539.754
Số tiền (viết bằng chữ): Bốn trăm ba mươi triệu, năm trăm ba mươi chín đồng, bảy trăm năm mươi tư đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký,đóng dấu,ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn số liệu từ phòng kế toán)

Phiếu xuất kho. (in 2 bản)

Đơn vị : Công ty TNHH Việt Trường

Mẫu số: 02-VT

Địa chỉ : Lê Chân – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 27 tháng 12 năm 2013

Nợ TK 632

Số: 195

Có TK 155

Họ tên người nhận hàng:

Địa chỉ: **SANPOKONG, KL, HONGKONG**

Lý do xuất: Xuất bán cho khách hàng

Xuất tại kho: K2- Kho thành phẩm

ST T	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Cá lục gai đông lạnh	CCDO	Kg	25.520	25.520	14.250	363.660.000
	Cộng tiền hàng						363.660.000

Viết bằng chữ: Ba trăm sáu mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi đồng chẵn.*Xuất, ngày 27 tháng 12 năm 2013*

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

*(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Nguồn số liệu từ phòng kế toán)*

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG**Khu CN Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng**
BTC**Mẫu số 03a-DN**

Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Tháng 12 năm 2013**

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....
14/12	GBC 256	Nộp tiền vào tài khoản	112 111	500.000.000	500.000.000
15/12	HD 29	Xuất bán tôm sú cho công ty Hoàng Việt	111 511 3331	18.150.000	16.500.000 1.650.000
15/12	PX 165	Giá vốn hàng bán cho công ty Hoàng Việt	632 155	12.500.000	12.500.000
				
27/12	HD 152	Xuất bán cá lục gai đông lạnh	131 511	430.539.754	430.539.754
27/12	PX 195	Giá vốn hàng xuất khẩu	632 155	363.660.000	363.660.000
				
		Tổng cộng		67.875.091.732	67.875.091.732

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG

Mẫu số 03b-DNN

Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân- HP

Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 632 :Giá vốn hàng bán

Năm 2013

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....	SDĐK <i>Số phát sinh trong năm</i>
15/12	PX165	Giá vốn hàng bán bán cho công ty Hoàng Việt	155	12.500.000	
				
27/12	PX 195	Giá vốn hàng bán XK	155	363.660.000	
....	
31/12	PKT	Kết chuyển	911		108.223.864.837
		<i>Cộng số phát sinh</i>		108.223.864.837	108.223.864.837
		<u><i>SDCK</i></u>			

Đơn vị: Công ty TNHH Việt Trường

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ: Cụm CN Vĩnh Niệm-Lê Chân-HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỐ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm: Cá lục gai đông lạnh

Tháng 12 năm 2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn hàng bán			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
....		
15/12/2013	PX 156	15/12/2013	Xuất bán cá lục gai đông lạnh	155	10,000	14.25	142.500.000	
27/12/2013	PX 195	27/12/2013	Xuất bán cá lục gai đông lạnh	155	25.520	14.25	363.660.000	
							
			Cộng số phát sinh				7,895,427,334	

Đơn vị: Công ty TNHH Việt Trường

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ: Cụm CN Vĩnh Niệm-Lê Chân-HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỐ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm: Tôm sú

Tháng 12 năm 2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đổi ứng	Giá vốn hàng bán			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
....		
13/12	PX 156	13/12	Xuất bán tôm sú	155	50	125.000	6.250.000	
15/12	PX 165	15/12	Xuất bán tôm sú	155	100	125.000	12.500.000	
							
			Cộng số phát sinh				895.450.000	

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG

Mẫu số 03b-DNN

Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân- HP

Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 511 :Doanh thu bán hàng

Năm 2013

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....	SĐĐK <i>Số phát sinh trong năm</i>	<u>X</u>	<u>X</u>
15/12	HĐ29	Xuất bán tôm sú cho công ty Hoàng Việt.	111		18.150.000
27/12	HĐXK 152	Xuất bán cá lục gai đông lạnh	131		430.539.754
.....
31/12	PKT	Kết chuyển doanh thu	911	126.379.647.003	
		<i>Cộng số phát sinh</i>		126.379.647.003	126.379.647.003
		<u>SDCK</u>		<u>X</u>	<u>X</u>

Đơn vị: Công ty TNHH Việt Trường

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ: Cụm CN Vĩnh Niệm-Lê Chân-HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản: 511

Tên sản phẩm: Cá lục gai đông lạnh

Tháng 12 năm 2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đôi ứng	Doanh thu			
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
.....					
12/12	HDXK 145	12/12	Xuất bán cá lục gai đông lạnh	131	10,000	16.871		168.710.000
27/12	HDXK 152	27/12	Xuất bán cá lục gai đông lạnh	131	25.52	16.871		430.539.754
							
			Cộng số phát sinh					<u>2,801.351.400</u>

Đơn vị: Công ty TNHH Việt Trường

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ: Cụm CN Vĩnh Niệm-Lê Chân-HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản: 511

Tên sản phẩm: Tôm sú

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Doanh thu			
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
.....					
13/12	HD 128	13/12	Xuất bán tôm sú	131	50	165.000	8.250.000	
15/12	HD 129	15/12	Xuất bán tôm sú	111	100	165.000	16.500.000	
							
			Cộng số phát sinh				<u>1.560.350.000</u>	

2.3.2.2 Thực trạng kế toán chi phí QLDN tại công ty TNHH Việt Trường.

Chi phí quản lý kinh doanh dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng của công ty bao gồm các khoản chi phí tiếp thị, giới thiệu sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài... Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm: Chi phí lương của toàn bộ cán bộ công nhân viên của công ty, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác như tiền điện, nước, điện thoại.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi,...

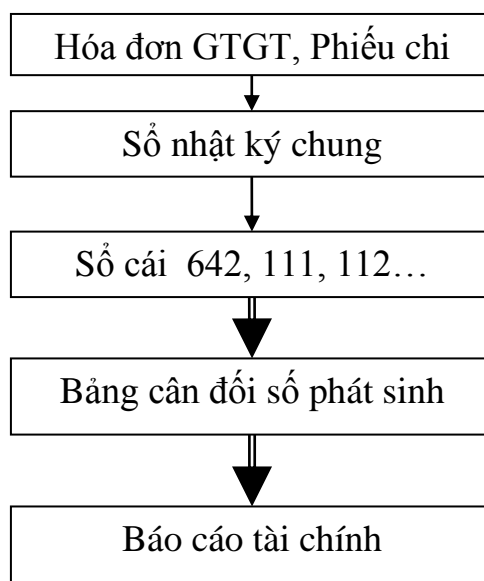
❖ Tài khoản sử dụng:

Tk 642- Chi phí quản lý kinh doanh.

Các TK khác có liên quan: 111, 112, 131,...

Cuối kỳ kết chuyển sang bên nợ TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

❖ Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được hạch toán qua sơ đồ 2.5:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Ví dụ:

Ngày 06/12/2013 công ty thanh toán tiền điện thoại mobifone số tiền 342.135 đồng đã bao gồm cả thuế GTGT 10%.

HÓA ĐƠN GTGT		MÃ SỐ:01GTKT2-001			
Liên 2: Giao khách hàng		Ký hiệu: GB/13P			
Ngày 06 tháng 12 năm 2013		Số: 1296051			
Đơn vị bán hàng: Công ty thông tin di động					
Địa chỉ: Số 28A Lê Hồng Phong – Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: 031.3558869			MS: 0068209084		
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG					
Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM			MS:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cước dịch vụ thông tin di động				
Cộng tiền					311.032
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		31.103	
Tổng cộng tiền thanh toán:					342.135
Số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm bốn mươi hai nghìn một trăm ba mươi năm đồng chẵn.					
Người nộp tiền <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>			Nhân viên giao dịch <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563

0313.7420960

Fax :

Mẫu số : 01 – TT

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

PHIẾU CHI**Số : 232**

Ngày 06 tháng 12 năm 2013

*Nợ 642 311.039**Nợ 133 31.103**Có : 131 342.135***Người nhận tiền :** Phạm Thanh Hương**Địa chỉ:****Lý do chi :** Thanh toán tiền điện thoại mobifone**Số tiền:** 342.135**(Viết bằng chữ) :** Ba trăm bốn mươi hai nghìn một trăm ba mươi năm đồng**Chứng từ gốc kèm theo :** **Chứng từ gốc****Giám đốc**

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ quỹ

(ký, họ tên)

Người nhận

(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu từ phòng kế toán)

Đơn vị : Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm- Lê Chân-HP

Mẫu số 11

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**

Tháng 12 năm 2013

STT	Đối tượng sử dụng (Ghi Nợ các TK)	Ghi có tài khoản								Tổng cộng
		TK334- Phải trả người lao động			TK 338- Phải trả phải nộp khác					
		Lương thời gian	Các khoản khác	Cộng có TK 334	KPCĐ 3382	BHXH 3383	BHYT 3384	BHTN 3389	Cộng có TK 338	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	10
1	TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh	46.054.280	6.235.720	52.290.000	1.045.800	8.889.300	1.568.700	460.543	11.964.343	64.254.343
2	TK 334- Phải trả người lao động					3.660.300	784.350	460.543	4.905.193	4.905.193
	Cộng	46.054.280	6.235.720	52.290.000	1.045.800	12.549.600	2.353.050	921.086	16.869.536	69.159.536

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG

Mẫu số 03a-DN

Khu CN Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....
06/12	PC 232	Thanh toán tiền điện thoại mobifone.	642 133 111	311.039 31.103	342.135
.....		
31/12	BL T12	Tiền lương phải trả cán bộ công nhân viên	642 334	52.290.000	52.290.000
31/12	BL T12	Trích các khoản theo lương	642 334 338	11.964.343 4.905.193	16.869.536
31/12	BL T12	Trả lương nhân viên	334 111	55.365.960	55.365.960
				
		Tổng cộng		67.875.091.732	67.875.091.732

Đơn vị: Công Ty TNHH Việt Trường

Mẫu số 03b-DNN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân- HP

Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC

SỐ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
06/12	PC232	06/12	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	111	311.039	
.....		
31/12	BL T12	31/12	Tiền lương trả cán bộ công nhân viên	334	52.290.000	
31/12	BL T12	31/12	Trích các khoản trích theo lương	338	11.964.343	
					
31/12	PKT124	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		5.375.692.621
			Cộng phát sinh trong tháng		5.375.692.621	5.375.692.621
			Số dư cuối kỳ		X	X

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

2.3.2.3 Thực trạng kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Việt Trường.

Doanh thu hoạt động tài chính được thực hiện từ lãi vay ngân hàng, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là lãi vay ngân hàng. Hàng tháng công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng về lãi phải trả làm căn cứ để ghi Nhật ký chung, số cái TK 635,112...

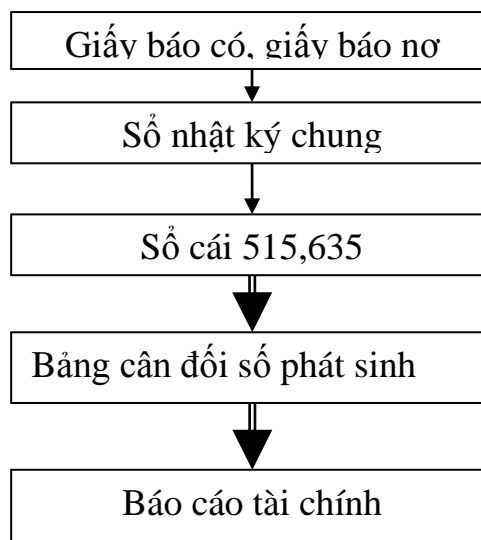
➤ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo lãi của ngân hàng.
- Giấy báo trả tiền lãi vay.
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng:

- Tk 515: Doanh thu tài chính
- TK 635: Chi phí tài chính

Sơ đồ 2.3.2.3: Quy trình hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại công ty TNHH Việt Trường.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Ví dụ 01: Ngày 31/12/2013, nhận được giấy báo có của ngân hàng Công Thương về việc lãi số dư tài khoản của công ty, số tiền là 1.612.540 đồng.

Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, sau đó ghi vào sổ cái tài khoản 515, cuối tháng cuối quý lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 02: Ngày 24/12/2013 Ngân hàng ngoại thương gửi giấy báo trả tiền lãi vay. Số tiền là 596.760 đồng.

Kế toán căn cứ vào giấy báo Nợ của ngân hàng, sau đó phản ánh vào Nhật ký chung, sau đó ghi sổ cái 635, cuối tháng cuối quý lập báo cáo tài chính.

Ngân hàng Công Thương

Mã GDV:

Chi nhánh: Công thương Hồng Bàng- Hải Phòng

Mã KH:10865

Số GD: 1653

GIẤY BÁO CÓ CỦA NGÂN HÀNG, TIỀN VNĐ

Ngày 31/12/2013

Kính gửi: Công ty TNHH Việt Trường.

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 102010000300154

Số tiền bằng số: 1.612.540 đồng

Số tiền bằng chữ: Một triệu sáu trăm mười hai ngàn đồng năm trăm bốn mươi đồng.

Nội dung: Lãi số nhập gốc.

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Ngân hàng Ngoại Thương

Mã GDV:

Mã KH:10865

Số GD: 0135

GIẤY BÁO NỢ CỦA NGÂN HÀNG, TIỀN VNĐ

Ngày 24/12/2013

Kính gửi: Công ty TNHH Việt Trường.

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: : 0031000071876

Số tiền bằng số: 596.760 đồng

Số tiền bằng chữ: Năm trăm chín mươi sáu ngàn bảy trăm sáu mươi đồng.

Nội dung: ##Lãi tiền vay##.

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG**Mẫu số 03a-DN****Khu CN Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng**

Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2013**

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....
27/12	GBC 1560	Công ty Vĩnh Tân trả trước tiền hàng	112 131	50.000.000	50.000.000
28/12	GBN 0135	Chi phí lãi vay từ ngân hàng Ngoại thương	635 112	1.612.540	1.612.540
29/12	PC 490	Chi tiền mua văn phòng phẩm	642 133 111	1.951.000 195.100	2.146.100
30/12	PC 535	Chi tạm ứng chi phí sửa xe	141 111	17.000.000	17.000.000
31/12	GBC 1653	Lãi tiền gửi ngân hàng Công Thương	112 515	596.760	596.760
				
		Tổng cộng		86.394.639.639	86.394.639.639

Công ty TNHH Việt Trường
 Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số 03b-DNN
 Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2013

Tài khoản: 515 - Doanh thu
 hoạt động tài chính

Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....			
GBC1653	31/12/2013	Thu tiền lãi ngân hàng Công thương	112		596.760
PKT124	31/12/2013	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	121.250.778	
		Cộng số phát sinh		121.250.778	121.250.778
		Số dư cuối kỳ			

NGƯỜI LẬP
 (Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
 (Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Công Ty TNHH Việt Trường
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân- HP

Mẫu số 03b-DNN
Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC

SỐ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính
Năm 2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
31/12	GBN 132	31/12	Trả tiền lãi vay ngân hàng	112	1.612.740	
31/12	PKT124	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		6.287.455.305
			Cộng số phát sinh trong tháng		6.287.455.305	6.287.455.305

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

2.3.2.4 Thực trạng kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.

a) Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Sau khi tập hợp chi phí, doanh thu, xác định doanh nghiệp có lãi, kế toán doanh nghiệp tiến hành tính thuế thu nhập doanh nghiệp, xác định thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2013 công ty áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.

*Chi phí thuế TNDN = Lợi nhuận trước thuế TNDN * Thuế xuất thuế TNDN*

Tài khoản sử dụng:

TK 821: Chi phí thuế TNDN

TK 3334: Thuế TNDN

Các tài khoản khác có liên quan.

a) Kế toán xác định kết quả kinh doanh

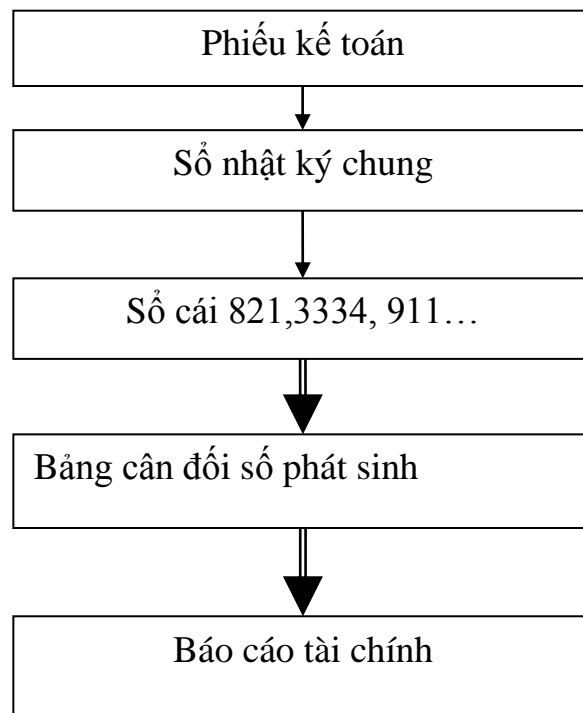
Kết quả kinh doanh được thể hiện trên Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng:

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

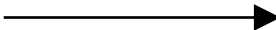
TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối


❖ Quy trình luân chuyển chứng từ:



Sơ đồ: Quy trình luân chuyển chứng từ sổ sách xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng: 

Ví dụ: Cuối tháng 12 năm 2013 thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Tổng phát sinh bên có TK 911:	126.181.897.781
Kết chuyển doanh thu thuần:	126.060.647.003
Kết chuyển doanh thu HĐTC:	121.250.778
Tổng phát sinh bên nợ TK 911:	119.887.012.763
Kết chuyển giá vốn hàng bán:	108.223.864.837
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp:	5.375.692.621
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính:	6.287.455.305
Thu nhập chịu thuế:	6.294.885.018
Thuế TNDN phải nộp:	1.101.604.878
Lợi nhuận sau thuế:	5.193.280.140

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 123

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
	Ghi có TK 911			
1	K/c doanh thu thuần	511	911	126.060.647.003
2	K/c doanh thu HĐTC	515	911	121.250.778
3	Cộng			126.181.897.781

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 124

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
	Ghi nợ TK 911			
1	K/c giá vốn hàng bán	911	632	108.223.864.837
2	K/c chi phí HĐTC	911	635	6.287.455.305
3	K/c chi phí QLDN	911	642	5.375.692.621
4	K/c chi phí thuế TNDN	911	821	1.101.604.878
5	Lợi nhuận sau thuế	911	421	5.193.280.140
	Cộng			126.181.897.781

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG

Mẫu số 03a-DNN

Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân- Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	126.060.647.003	
				911		126.060.647.003
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển doanh thu HDTC	515	121.250.778	
				911		121.250.778
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển giá vốn	911	108.223.864.837	
				632		108.223.864.837
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển chi phí HDTC	911	6.287.455.305	
				635		6.287.455.305
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911	5.375.692.621	
				642		5.375.692.621
31/12	PKT 124	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	1.101.604.878	
				3334		1.101.604.878
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	1.101.604.878	
				821		1.101.604.878
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển lãi	911	5.193.280.140	
				421		5.193.280.140
			Tổng cộng		86.394.639.639	86.394.639.639

Công Ty TNHH Việt Trường
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân- HP

Mẫu số 03b-DNN
Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC

SỐ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 821: Chi phí thuế TNDN

Năm 2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		<u>X</u>	<u>X</u>
			Số phát sinh trong tháng			
31/12	PKT 123	31/12	K/c thuế TNDN phải nộp	3334	1.101.604.878	
31/12	PKT 124	31/12	K/C chi phí thuế TNDN	911		1.101.604.878
			Cộng số phát sinh trong tháng		1.101.604.878	1.101.604.878
			Số dư cuối tháng		<u>X</u>	<u>X</u>

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Công Ty TNHH Việt Trường

Mẫu số 03b-DNN

Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân- HP

Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC

SỐ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12	PKT 123	31/12	K/C doanh thu bán hàng	511		126.060.647.003
31/12	PKT 123	31/12	K/C doanh thu hoạt động tài chính	515	-	121.250.778
31/12	PKT 124	31/12	K/C giá vốn hàng bán	632	108.223.864.837	
31/12	PKT 124	31/12	K/C chi phí tài chính	635	6.287.455.305	
31/12	PKT 124	31/12	K/C chi phí QLDN	642	5.375.692.621	
31/12	PKT 124	31/12	X/Đ thuế thu nhập doanh nghiệp	821	1.101.604.878	
31/12	PKT 124	31/12	K/C lợi nhuận sau thuế	421	5.193.280.140	
			Cộng số phát sinh trong kỳ		126.181.897.781	126.181.897.781

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Công Ty TNHH Việt Trường
Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân- HP

Mẫu số 03b-DNN
Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC

SỐ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối
Năm 2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
31/12	PKT 124	31/12	K/C lãi	421		5.193.280.140
			Cộng số phát sinh trong tháng			5.193.280.140
			Số dư cuối tháng			<u>5.193.280.140</u>

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán công ty)

Đơn vị: Công ty TNHH Việt Trường

Mẫu số B02 – DNN

Địa chỉ: cụm CN Vĩnh Niệm- LC- HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.08	123,493,450,647	126,379,647,003
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			319,000,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		123,493,450,647	126,060,647,003
4. Giá vốn hàng bán	11		105,982,055,049	108,223,864,837
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17,511,395,598	17,836,782,166
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		541,739,951	121,250,778
7. Chi phí tài chính	22		7,637,964,329	6,287,455,305
+ Trong đó : Chi phí lãi vay	23		7,479,525,487	6,231,025,857
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		4,411,691,577	5,375,692,621
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,003,479,643	6,294,885,018
10. Thu nhập khác	31		286,717,123	
11. Chi phí khác	32		230,114,849	
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		56,602,274	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	IV.09	6,060,081,916	6,294,885,018
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		1,515,020,479	1,101,604,878
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		4,545,061,437	5,193,280,140

Lập, ngày 31 tháng 12 Năm 2013

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.

3.1.1. Những kết quả đạt được

Trong quá trình tìm hiểu các phân hành kế toán tại Công ty TNHH Việt Trường em nhận thấy công ty đạt được những kết quả như sau:

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán tại công ty tổ chức theo mô hình tập trung hiện nay là khá phù hợp với yêu cầu công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ kế toán viên. Do đó công việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự thống nhất, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn.

Bộ máy kế toán được tổ chức sắp xếp tương đối phù hợp với yêu cầu công việc và khả năng của từng người. Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phân hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Chính vì vậy nên công tác kế toán trong công ty cũng đã giảm thiểu được những gian lận, sai sót.

❖ Chứng từ, sổ sách áp dụng:

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và tính pháp lý của các nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo quy định của Bộ Tài Chính về việc áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước.

❖ Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung của Bộ Tài Chính ban hành. Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

❖ Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về tổ chức công tác kế toán doanh thu

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh.

- Về công tác kế toán chi phí

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy công tác kế toán hạch toán chi phí tại công ty bước đầu giảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2. Những tồn tại cần khắc phục

Bên cạnh những ưu điểm mà đạt được thì công tác kế toán vẫn còn một số mặt hạn chế sau:

- Tại công ty TNHH Việt Trường công việc kế toán chủ yếu được tiến hành thủ công và thực hiện trên Excell. Do vậy, các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Không những vậy còn ảnh hưởng đến độ chính xác của các Báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

- Công ty chưa trích lập các khoản dự phòng như dự phòng phải thu khó đòi. Công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng đôi khi là rất chậm, thậm chí có những khách hàng mà doanh nghiệp không thu hồi được nợ. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán hoặc cũng có thể không thanh toán được. Nhưng doanh nghiệp lại không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để giảm thiểu rủi ro.

- Hiện nay, hệ thống kế toán của Công ty vẫn chủ yếu về lĩnh vực kế toán tài chính. Kế toán quản trị chưa được chú trọng, đội ngũ kế toán chưa được phân công công việc rõ ràng, cụ thể thành hai nhánh là kế toán tài chính và kế toán quản

trị. Do đó, thông tin kế toán phục vụ cho các nhà quản trị công ty vẫn còn nhiều hạn chế.

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.

Qua thời gian tìm hiểu và thực tập tại Công ty TNHH Việt Trường, được tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại Công ty, em nhận thấy: về cơ bản công tác kế toán của công ty đã tuân thủ đúng chế độ kế toán của Nhà nước và Bộ tài chính ban hành, đồng thời phù hợp với tình hình tài chính của Công ty. Tuy nhiên bên cạnh đó không thể tránh khỏi những mặt tồn tại. Trên góc độ sinh viên em xin đưa ra một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty.

Đề xuất 1: Nâng cao trình độ đội ngũ nhân viên và áp dụng phần mềm kế toán máy.

Để kế toán hoạt động hiệu quả, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ cho việc lập báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước thì phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán. Công ty nên cho nhân viên đi đào tạo thêm về các nghiệp vụ kế toán, học các lớp tin học, áp dụng các phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả hoạt động giải quyết công việc, đáp ứng yêu cầu nhà quản lý.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều công ty cung cấp phần mềm kế toán với các phần mềm nổi tiếng như MISA, SMART, VACOM, AC SOFT... Công ty nghiên cứu và lựa chọn phần mềm kế toán cho phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, với các nghiệp vụ phát sinh của đơn vị mình.

Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích nghi với nền công nghiệp hiện đại. Đồng thời giúp cho kế toán viên giảm được khối lượng công việc hàng ngày, kế toán trưởng giảm được thời gian tổng hợp, đối chiếu số liệu, đặc biệt là có thể cung cấp thông tin tài chính nói chung, kết quả kinh doanh của Công ty nói riêng tại bất kỳ thời điểm nào khi nhà quản lý yêu cầu.

Theo em công ty nên tham khảo một số phần mềm kế toán đặc biệt là phần mềm kế toán MISA SME.NET vì phần mềm kế toán MISA SME.NET được thiết kế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm: ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tập hợp. Với những tính năng nổi bật như lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi tiêu, phân tích tài chính, tính giá thành theo nhiều phương pháp, in

báo cáo thuế kèm mã vạch, thanh toán ngân hàng trực tuyến, quản lý cổ đông, tự động cập nhật qua mạng internet..

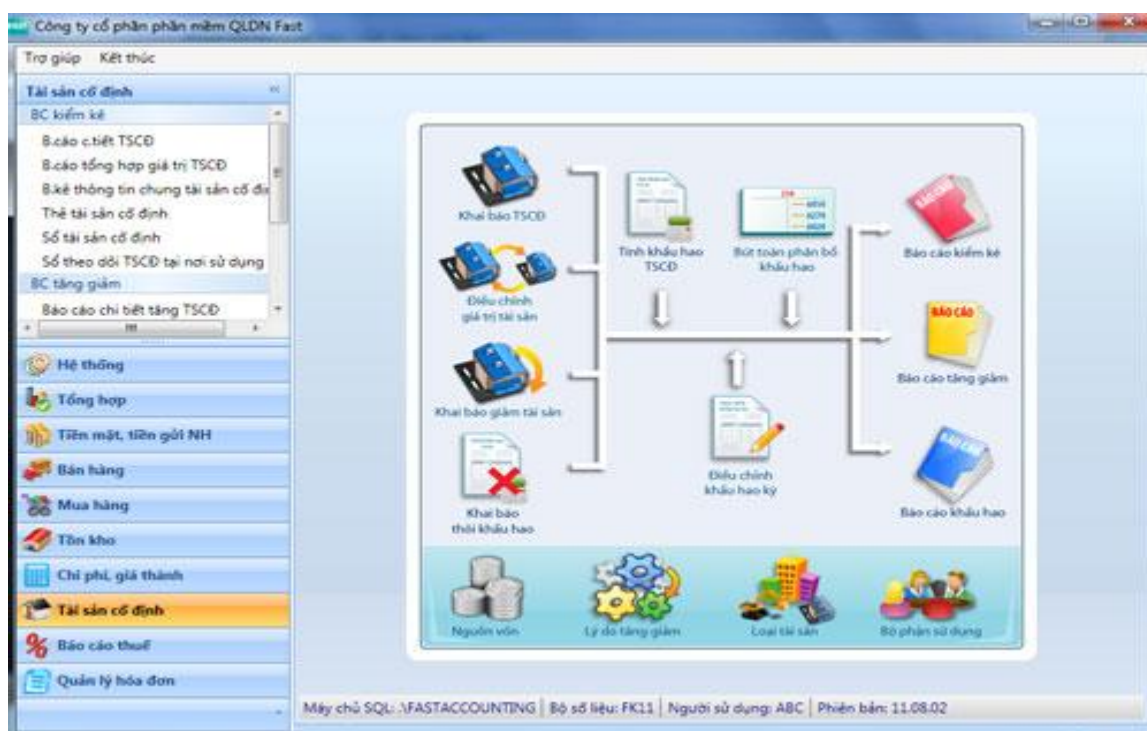
Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012



MISA SME.NET không chỉ giúp kế toán doanh nghiệp dễ dàng sử dụng mà còn giúp chủ doanh nghiệp có thể nắm bắt rõ tình hình tài chính của công ty để ra quyết định đúng đắn, kịp thời. Đặc biệt MISA SME.NET cho phép doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện hay cửa hàng hay điểm giao dịch cùng làm trên một dữ liệu kế toán duy nhất thông qua internet hay mạng riêng với độ an toàn và bảo mật cao. Giá cả phần mềm này khá hợp lý đối với quy mô của công ty.

Phần mềm kế toán FAST:

Giao diện phần mềm kế toán Fast:



Chức năng:

Fast accounting(Phiên bản 10.10) mang những tính năng nổi bật như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động xóa xử lý số liệu, quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong việc so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt..Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp sử dụng nhiều nhất.

Đề xuất 2: Về công tác trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng không thể đòi được do khách hàng không có khả năng thanh toán(Thông tư 13/2006/TT-BTC). Tại công ty còn những khoản nợ phải thu quá hạn mà kế toán chưa tiến hành trích lập. Vì vậy, kế toán công ty cần trích lập phòng phải thu khó đòi để giúp công ty làm việc hiệu quả.

Để trích lập các khoản phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK 159 "Dự phòng phải thu khó đòi" và chi tiết cho từng khách hàng. Vào cuối niên độ kế toán, kế toán căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được thì phải trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 1 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Phương pháp hạch toán:

Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì phần hạch toán chênh lệch vào chi phí.

Nợ TK 642:

Có TK 159:

Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí:

Nợ TK 159:

Có TK 642:

Xóa nợ:

Nợ TK 159(Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK642(Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131:

Có TK 138:

Đồng thời ghi nợ TK 004

Đối với nợ khó đòi đã qua xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được :

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711:

Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi giúp công ty đánh giá được khả năng của khách hàng, đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty không bị biến động khi phát sinh các khoản nợ khó đòi.

Cụ thể đối với Công ty TNHH Việt Trường, căn cứ vào " Báo cáo tình hình công nợ" tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kế toán có thể tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Hiện nay, công ty có một số khoản phải thu quá hạn từ các doanh nghiệp khác:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2013

STT	Tên khách hàng	Mã số thuế	Công nợ đến ngày 31/12/2013		Ghi chú
			Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	Công ty TNHH Vạn Tân	0200414678	36.800.000		Phát sinh ngày 02/05/2013, quá hạn 7 tháng
2	Công ty TNHH Hoàng Thanh	0200409872		10.000.000	Khách hàng đặt tiền trước
3	Công ty TNHH Bảo Nam	0200193564	15.530.000		Phát sinh ngày 29/03/2013, quá hạn 9 tháng
	Tổng cộng		52.330.000	10.000.000	

BẢNG TÍNH SỐ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI NĂM 2013

STT	Tên công ty	Dư nợ cuối kỳ	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích	Số cần lập dự phòng
1	Công ty TNHH Vạn Tân	36.800.000	7 tháng 18 ngày	30%	11.040.000
2	Công ty TNHH Bảo Nam	15.530.000	9 tháng 10 ngày	30%	4.659.000
	Cộng	52.330.000			15.699.000

Công ty TNHH Việt Trường

Cụm CN Vĩnh Niệm- Lê Chân - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 139

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Dự phòng phải thu khó đòi	642	159	15.699.000
	Tổng cộng			15.699.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG

Mẫu số 03a-DN

Khu CN Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....
06/12	PC 232	Thanh toán tiền điện thoại mobifone.	642 133 111	311.039 31.103	342.135
.....		
31/12	BL T12	Tiền lương phải trả cán bộ công nhân viên	642 334	52.290.000	52.290.000
31/12	BL T12	Trích các khoản theo lương	642 334 338	11.964.343 4.905.193	16.869.536
31/12	BL T12	Trả lương nhân viên	334 111	55.365.960	55.365.960
31/12	PKT 139	Dự phòng phải thu khó đòi	642 159	15.699.000	15.699.000
				
		Tổng cộng		67.875.091.732	67.875.091.732

Đơn vị: Công Ty TNHH Việt Trường

Mẫu số 03b-DNN

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm- Lê Chân- HP

Ban hành theo QĐ số 48/QĐ-BTC

SỐ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		X	X
					
06/12	PC232	06/12	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	111	311.039	
.....		
31/12	BL T12	31/12	Tiền lương trả cán bộ công nhân viên	334	52.290.000	
31/12	BL T12	31/12	Trích các khoản trích theo lương	338	11.964.343	
31/12	PKT139	31/12	Dự phòng phải thu khó đòi	159	15.699.000	
					
			Cộng phát sinh trong tháng		5.375.692.621	5.375.692.621
			Số dư cuối kỳ		X	X

Kế toán
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đề xuất 3: Vận dụng kế toán quản trị vào công tác kế toán tại Công ty TNHH Việt Trường.

Kế toán là một công cụ quản lý quan trọng. Để kế toán có thể phát huy tốt chức năng thông tin và kiểm tra của mình thì cần phải xây dựng một hệ thống kế toán hoàn chỉnh. Tức là vừa hướng về quá trình và sự kiện kinh tế đã xảy ra, vừa góp phần hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm soát và đưa ra các quyết định đúng đắn. Vì vậy, việc tổ chức thực hiện kế toán quản trị là vấn đề có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn, áp dụng trong cả phạm vi DN và phạm vi nền kinh tế.

Hệ thống kế toán tại Công ty TNHH Việt Trường vẫn chưa chú trọng đến kế toán quản trị, đội ngũ kế toán chưa được phân công công việc rõ ràng, cụ thể thành hai nhánh kế toán quản trị và kế toán tài chính. Do đó, các thông tin kế toán còn gặp nhiều hạn chế. Vì vậy công ty cần nghiên cứu hoàn thiện những nội dung kế toán quản trị sau:

- + Thiết lập thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc lập kế hoạch tại công ty trong đó đặc biệt quan tâm nghiên cứu về kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

- + Thiết lập thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc điều hành và kiểm soát quá trình thực hiện kế hoạch trong đó đặc biệt quan tâm nghiên cứu về tình hình thực hiện dự toán chi phí.

Để tổ chức thực hiện kế toán quản trị tại Công ty TNHH Việt Trường, cần thực hiện đồng bộ một số biện pháp sau:

- + Xây dựng hệ thống chứng từ kế toán phù hợp với yêu cầu thực hiện nội dung kế toán quản trị tại công ty.

- + Xây dựng hệ thống tài khoản phù hợp với yêu cầu thực hiện nội dung kế toán quản trị.

- + Xây dựng hệ thống sổ sách kế toán phù hợp với yêu cầu thực hiện nội dung kế toán quản trị.

- + Xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị phù hợp với yêu cầu thực hiện nội dung kế toán quản trị.

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung của khóa luận tốt nghiệp với đề tài “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Việt Trường.

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh của quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đối với các nhà đầu tư. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, Công ty TNHH Việt Trường đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nội dung của khóa luận này rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không tránh khỏi những sai sót, em rất mong được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn góp ý tận tình của các thầy cô giáo, đặc biệt là sự hướng dẫn của cô giáo- Th.sỹ Nguyễn Thị Thúy Hồng cùng sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo Công ty, sự chỉ bảo hướng dẫn nhiệt tình của các anh chị phòng kế toán Công ty TNHH Việt Trường đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thiện khóa luận.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2013

Sinh viên

Phạm Thị Liên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính_Nhà xuất bản Thống kê năm 2009.
2. Chuẩn mực kế toán số 14.
3. Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009
4. Tài liệu và các chứng từ sổ sách kế toán năm 2013 của công ty TNHH Việt Trường
5. Khóa luận các khóa 12,13 tại thư viện nhà trường.